BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến, tham vấn, phản biện xã hội đối với dự thảo Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm (sau đây gọi tắt là dự thảo Thông tư) tại Công văn số 8302/BNNMT-LNKL ngày 24/7/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc góp ý Hồ sơ dự thảo Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; đồng thời đăng tải toàn văn hồ sơ dự thảo Thông tư trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Cổng Thông tin điện tử Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm để lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

1. Tổng hợp số cơ quan, đơn vị, tổ chức đã gửi lấy ý kiến góp ý gồm: 11 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương; 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 11 cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường; 04 tổ chức khác có liên quan.

2. Tổng số văn bản góp ý nhận được: 51 văn bản.

Trong đó:

- Có 09 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Thông tư, không có ý kiến góp ý[1]; Có 42 cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý[2].

3. Kết quả cụ thể như sau:

---

[1] Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Bộ Công Thương; Trường Đại học Lâm nghiệp; Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Cần Thơ, Cao Bằng; Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Trị.

[2] Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính; Bộ Tư pháp; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân tối cao; Cục Quản lý đất đai; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Cục Chuyển đổi số; Vụ Pháp chế; Vụ Khoa học và Công nghệ; Vụ Tổ chức cán bộ; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố: Ninh Bình, Bắc Ninh, Quảng Ngãi, Hưng Yên, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Đồng Nai, Sơn La, Phú Thọ, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu, Hà Tĩnh, Hà Nội, Khánh Hòa, Nghệ An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Tây Ninh, Quảng Ninh, Cà Mau, Thái Nguyên, An Giang, TP Hồ Chí Minh, Vĩnh Long.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến chung về dự thảo Thông tư	Vụ Pháp chế	Đề nghị xem xét bỏ cụm từ "và kiểm lâm" trong tên Thông tư.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: phạm vi điều chỉnh của Thông tư bao gồm cả các hoạt động thuộc lĩnh vực kiểm lâm (tuần tra bảo vệ rừng, phân định ranh giới rừng, theo dõi diễn biến rừng); tên gọi bảo đảm thống nhất với chức năng, nhiệm vụ của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của ngành.
	Vụ Pháp chế	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa bảo đảm khả thi, phù hợp thực tiễn và đúng quy định pháp luật về tài chính, ngân sách, đầu tư; tiếp thu ý kiến thẩm định nội dung kinh tế - kỹ thuật của Vụ Kế hoạch - Tài chính.	Tiếp thu. Đã rà soát toàn bộ dự thảo Thông tư và các Phụ lục, bảo đảm khả thi, phù hợp thực tiễn, thống nhất với pháp luật về tài chính, ngân sách, đầu tư và tiếp thu ý kiến thẩm định của Vụ Kế hoạch - Tài chính.
	Vụ Pháp chế	Đề nghị tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, hoàn thiện hồ sơ và thực hiện các quy trình tiếp theo theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật và quy chế công tác pháp chế của Bộ.	Tiếp thu. Đã tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ tại Bảng này và hoàn thiện hồ sơ theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15) và Quy chế công tác pháp chế của Bộ.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Điểm đ mục 3 phần IV dự thảo Tờ trình nêu bổ sung định mức áp dụng cho khu vực đồng bằng sông Cửu Long nhưng Phụ lục chưa có.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý dự thảo Tờ trình bảo đảm thống nhất với nội dung các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Thông tư.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị đổi tên cột "Tiêu chuẩn kỹ thuật" thành "Yêu cầu kỹ thuật" đối với các trường hợp mô tả yêu cầu về công việc, sản phẩm, kết quả đầu ra; sửa "quy chuẩn" thành "quy chuẩn kỹ thuật" trong toàn bộ dự thảo và các Phụ lục.	Tiếp thu. Đã đổi tên cột thành "Yêu cầu kỹ thuật" và thống nhất sử dụng cụm từ "quy chuẩn kỹ thuật" trong toàn bộ dự thảo Thông tư và các Phụ lục.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại các Phụ lục theo quy định hiện hành, trong đó có Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung.	Tiếp thu. Đã rà soát, cập nhật đầy đủ các văn bản được viện dẫn trong dự thảo Thông tư và các Phụ lục theo quy định hiện hành tại thời điểm trình ban hành, bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định số 204/2004/NĐ-CP.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Cục Quản lý đất đai	Dự thảo Thông tư chủ yếu quy định định mức về công lao động, chưa quy định cụ thể định mức máy móc, thiết bị, vật tư, dụng cụ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: dự thảo đã quy định định mức vật tư, máy móc, thiết bị đối với các nhóm công việc có tính định lượng ổn định tại Phụ lục I và Phụ lục V. Đối với hoạt động thực hiện phân tán, chủ yếu bằng thủ công tại hiện trường, hao phí vật tư, dụng cụ, máy móc được xác định theo tỷ lệ trên chi phí nhân công (tối đa 5%), kế thừa các Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT, 05/2024/TT-BNNPTNT, 11/2024/TT-BNNPTNT, 23/2024/TT-BNNPTNT, 58/2025/TT-BNNMT và kết quả khảo sát thực tế.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình	Đề nghị bổ sung quy định về nội dung, phạm vi và phương pháp xác định chi phí quản lý của chủ đầu tư, nhất là đối với các nhiệm vụ chuyên môn không phải là dự án đầu tư xây dựng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung, phạm vi và phương pháp xác định chi phí quản lý của chủ đầu tư thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư và các quy định có liên quan, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư; dự thảo chỉ quy định tỷ lệ khống chế tối đa làm cơ sở lập dự toán.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh	Đề nghị bổ sung định mức, đơn giá riêng cho công tác phòng trừ sâu, bệnh hại rừng theo kiến nghị tại dự thảo Báo cáo tổng kết.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung này chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai	Công tác điều tra rừng, kiểm kê rừng chủ yếu thực hiện thông qua đấu thầu; nhân lực của đơn vị tư vấn ngoài nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng Nghị định số 204/2004/NĐ-CP và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP. Đề nghị bổ sung quy định hệ số hoặc mức tiền lương phù hợp áp dụng đối với đơn vị tư vấn ngoài nhà nước.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: theo Điều 2 dự thảo, đối tượng áp dụng là các hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hệ số lương tại các bảng định mức là cơ sở xác định chi phí nhân công khi lập dự toán, không phải chế độ tiền lương của người lao động. Trường hợp lựa chọn nhà thầu, chi phí nhân công thực hiện theo hợp đồng và pháp luật về đấu thầu.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Đề nghị bổ sung thuyết minh cho từng tỷ lệ chi phí quy định tại các Phụ lục, phân biệt trường hợp tự thực hiện,	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: cơ sở xác định các tỷ lệ chi phí đã được thuyết minh tại Bảng so sánh, thuyết minh kèm theo hồ sơ. Việc áp dụng thuế giá trị

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; chỉ tính thuế giá trị gia tăng nếu thuộc đối tượng chịu thuế.	gia tăng thực hiện theo pháp luật về thuế; trường hợp không thuộc đối tượng chịu thuế thì không tính khoản này trong dự toán.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Nhiều Phụ lục dùng cụm từ "đoàn phí công đoàn" trong công thức chi phí; khoản thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động là "kinh phí công đoàn". Đề nghị sửa thống nhất và phân biệt định mức hao phí lao động với giá nhân công lập dự toán.	Tiếp thu. Đã thống nhất sử dụng cụm từ "kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng" trong công thức xác định chi phí 01 ngày công lao động tại các Phụ lục.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Đề nghị rà soát tính thống nhất ký hiệu hệ số khó khăn tại các Phụ lục II, III, IV, V, VI (cùng một nội dung về địa hình, dân cư nhưng nơi ghi K3, K4, nơi ghi K5).	Tiếp thu. Đã chuẩn hóa ký hiệu các hệ số điều chỉnh tại các Phụ lục II, III, IV, V, VI, bảo đảm cùng một nội dung điều chỉnh được sử dụng thống nhất một ký hiệu.
	Cục Quản lý đất đai; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Đề nghị xác định máy móc, thiết bị là tài sản theo Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính để xác định định mức hao mòn, khấu hao; đồng thời xác định rõ từng loại phương tiện, thiết bị trong định mức là công cụ, dụng cụ hay máy móc, thiết bị.	Tiếp thu. Đã rà soát, phân loại rõ công cụ, dụng cụ và máy móc, thiết bị tại các bảng định mức; việc tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Thông tư số 141/2025/TT-BTC.
	Cục Quản lý đất đai	Về chi phí xây dựng phần mềm: đề nghị xây dựng định mức cụ thể hoặc quy định thống nhất là thực hiện theo pháp luật về công nghệ thông tin.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Thông tư này không quy định định mức xây dựng phần mềm; nội dung này thực hiện theo pháp luật về công nghệ thông tin và khoản 3 Điều 4 dự thảo.
	Cục Quản lý đất đai; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Đề nghị tính thử đơn giá theo dự thảo định mức, so sánh với định mức hiện hành và chi phí thực tế của các nhiệm vụ đã quyết toán để đánh giá mức độ chính xác, phù hợp, bảo đảm nguyên tắc không làm tăng ngân sách nhà nước.	Tiếp thu. Đã tính thử đơn giá đối với một số nhiệm vụ đã và đang thực hiện, so sánh với định mức hiện hành và kết quả quyết toán, bảo đảm không làm tăng chi ngân sách nhà nước; kết quả được thuyết minh tại hồ sơ dự thảo Thông tư.
	Tòa án nhân dân tối cao	Nhất trí sự cần thiết ban hành Thông tư. Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện nội dung các điều, khoản và chỉnh lý kỹ thuật trình bày theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025.	Tiếp thu. Đã rà soát, hoàn thiện nội dung các điều, khoản và chỉnh lý kỹ thuật trình bày theo Luật số 64/2025/QH15 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Điện Biên, Lai Châu, Hà Tĩnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Cơ bản nhất trí với bố cục và nội dung hồ sơ dự thảo Thông tư; đồng thời có một số ý kiến góp ý cụ thể đối với từng Điều, Phụ lục.	Ghi nhận sự đồng thuận của Quý cơ quan. Các ý kiến góp ý cụ thể được tiếp thu, giải trình tại các mục tương ứng của Bảng này.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội	Đề nghị chỉnh sửa Bảng so sánh, thuyết minh theo đúng mẫu quy định và bổ sung thuyết minh cơ sở xây dựng nội dung Điều 5 về định mức sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa Bảng so sánh, thuyết minh theo đúng mẫu quy định và bổ sung thuyết minh cơ sở xây dựng nội dung quy định tại Điều 5 dự thảo Thông tư.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị bổ sung Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Tiếp thu. Đã bổ sung Bản đánh giá nêu trên vào hồ sơ dự thảo Thông tư theo quy định.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát, sửa đổi, bổ sung định mức lao động trên cơ sở định mức lao động hiện hành cho phù hợp với tình hình thực tế.	Tiếp thu. Dự thảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa định mức lao động hiện hành, kết quả khảo sát thực tế và ý kiến của các địa phương, chủ rừng; đã rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ việc không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế và sử dụng nguồn nhân lực hiện có để thi hành Thông tư, phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017.	Tiếp thu. Đã làm rõ tại Tờ trình: việc ban hành Thông tư không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế; sử dụng nguồn nhân lực hiện có để tổ chức thi hành.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị rà soát công thức tính chi phí 01 ngày công lao động có hệ số K về bảo hiểm xã hội tại các Phụ lục II, III, IV, V, VI, bảo đảm thống nhất với điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: công thức xác định chi phí 01 ngày công lao động tại các Phụ lục đã bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 về tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa	Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định đơn giá ngày công lao động đối với công tác thiết kế và trồng rừng, làm cơ sở áp dụng thống nhất khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán.	Tiếp thu. Đã bổ sung công thức, phương pháp xác định chi phí 01 ngày công lao động tại Phần II Phụ lục I, bảo đảm thống nhất với các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VIII.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị làm rõ hơn sự cần thiết ban hành Thông tư và bổ sung tại dự thảo Tờ trình thông tin về quá trình khảo sát thực tế, phương pháp xây dựng định mức, số lượng địa phương, đơn vị được khảo sát và việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan.	Tiếp thu. Đã bổ sung, làm rõ sự cần thiết ban hành Thông tư và các thông tin nêu trên tại dự thảo Tờ trình.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung hệ số điều chỉnh hoặc mức định mức phù hợp đối với địa bàn có điều kiện đặc thù về địa hình, cự ly, độ dốc, giao thông và thời tiết.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: dự thảo đã quy định hệ số điều chỉnh (K) theo cự ly di chuyển, độ dốc, nhóm thực bì, loại đất, khu vực và điều kiện thời tiết tại các Phụ lục để phản ánh điều kiện thực hiện của từng địa bàn. Ghi nhận để rà soát khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị xác định rõ, chi tiết hóa thành phần công việc và hao phí lao động cho các hoạt động trồng, chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi, điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, nhất là công việc thủ công ở vùng xa.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: thành phần công việc và hao phí lao động của từng hạng mục đã được quy định tại các Phụ lục. Riêng hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung chi phí vận chuyển vật tư, cây giống, thiết bị, phương tiện đối với các nhiệm vụ thực hiện ở khu vực rừng xa khu dân cư.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hao phí di chuyển, vận chuyển trong phạm vi lô, khoảnh đã được tính trong định mức và điều chỉnh thông qua hệ số cự ly di chuyển; chi phí vận chuyển từ nơi cung ứng đến hiện trường được xác định trong dự toán theo quy định của pháp luật, không thuộc phạm vi định mức kinh tế - kỹ thuật.
	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Cục Chuyển đổi số; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Lâm	Thống nhất sự cần thiết ban hành, bố cục và các nội dung chủ yếu của dự thảo Thông tư trên cơ sở kế thừa, hợp nhất các thông tư hiện hành, khắc phục tình trạng phân tán văn bản, hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quản lý chi phí; dự thảo	Ghi nhận sự đồng thuận của Quý cơ quan.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Đồng, Đắk Lắk, Quảng Ninh	đã tạo hành lang pháp lý mở cho ứng dụng công nghệ số tại khoản 4 Điều 4; hồ sơ dự thảo bảo đảm theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Mức khống chế chi máy móc, thiết bị 5% chưa đáp ứng yêu cầu ứng dụng GPS độ chính xác cao, thiết bị bay không người lái, GIS và ảnh viễn thám. Đề nghị quy định định mức riêng theo ca máy, giờ bay, diện tích xử lý ảnh, thuê thiết bị hoặc dự toán được phê duyệt; bổ sung quy định thống nhất về hệ quy chiếu VN-2000, độ chính xác, định dạng dữ liệu, siêu dữ liệu và quy trình bàn giao, lưu trữ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tỷ lệ chi phí máy móc, thiết bị, vật tư tối đa 5% giá trị nhân công được kế thừa từ các Thông tư hiện hành và kết quả khảo sát thực tế, không làm tăng chi ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15); cơ sở xác định đã thuyết minh tại hồ sơ dự thảo. Yêu cầu về hệ quy chiếu, độ chính xác, định dạng và siêu dữ liệu thực hiện theo pháp luật về đo đạc, bản đồ và quy định kỹ thuật chuyên ngành.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị sớm trình, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng, trong đó có giảm vật liệu cháy, làm cơ sở lập kế hoạch và dự toán kinh phí trong Phương án phòng cháy, chữa cháy rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 5 Điều 1 và khoản 3 Điều 6 dự thảo đã cho phép áp dụng định mức đối với hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng có nội dung công việc tương tự biện pháp lâm sinh, trong đó có giảm vật liệu cháy. Việc xây dựng định mức riêng, đầy đủ cần thực hiện sau khi có quy trình kỹ thuật; cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận để nghiên cứu, tham mưu ban hành.
	Bộ Tài chính	Việc ban hành định mức thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đề nghị căn cứ Luật Lâm nghiệp và pháp luật có liên quan để ban hành theo thẩm quyền, bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo và chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung.	Tiếp thu. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành định mức theo thẩm quyền trên cơ sở Luật Lâm nghiệp và pháp luật có liên quan; đã rà soát bảo đảm thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
	Bộ Tài chính	Đề nghị bổ sung báo cáo đánh giá tác động ngân sách nhà nước và thuyết minh nội dung tính thử đơn giá khi áp dụng Thông tư với các nhiệm vụ đã hoàn thành, bảo đảm phù hợp khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24/4/2026; tổng hợp ý kiến của Bộ Nội vụ về định mức chi phí ngày công; đối với dịch vụ sự nghiệp công đã có	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung thuyết minh nội dung tính thử đơn giá và tổng hợp ý kiến của Bộ Nội vụ vào hồ sơ dự thảo Thông tư; dự thảo kế thừa các Thông tư hiện hành và kết quả khảo sát thực tế, bảo đảm không làm tăng chi ngân sách nhà nước. Đối với dịch vụ sự nghiệp công đã có định mức do bộ, cơ quan chuyên ngành ban hành, thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định mức chuyên ngành thì quy định rõ việc áp dụng; đề nghị không quy định định mức áp dụng đối với công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.	Đối với đề nghị không quy định định mức áp dụng cho công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại Thông tư là mức hao phí cần thiết để hoàn thành một đơn vị sản phẩm, làm căn cứ lập, thẩm định, phê duyệt dự toán khi giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu; việc thanh toán thực hiện theo chế độ hiện hành, không trùng lặp với các khoản kinh phí khác.
	Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát, đối chiếu các nhiệm vụ được quy định định mức với danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đã ban hành; qua rà soát, nội dung dự thảo không trùng khớp với danh mục tại Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ.	Tiếp thu. Đã rà soát, đối chiếu với các danh mục nêu trên. Các hoạt động quy định tại dự thảo chủ yếu là nhiệm vụ chuyên môn về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trường hợp thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
	Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát tổng thể các Phụ lục: bổ sung định mức còn thiếu; thuyết minh cơ sở xác định đối với nội dung xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung; đánh giá mức độ phù hợp của định mức kế thừa; không quy định danh mục chưa đủ căn cứ; chuẩn hóa mã hiệu, danh mục vật tư, nhiên liệu; kiểm tra số liệu, công thức và chỉnh sửa lỗi thể thức, kỹ thuật trình bày, thuật ngữ chuyên ngành.	Tiếp thu. Đã rà soát tổng thể các Phụ lục theo toàn bộ các nội dung nêu trên.
	Bộ Tài chính	Đề nghị rà soát nguồn kinh phí phát sinh khi ban hành định mức mới, không làm tăng định mức chi theo các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực lâm nghiệp (trong đó có Nghị định số 58/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP); kinh phí thực hiện được sắp xếp trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được giao, không phát sinh bổ sung kinh phí.	Tiếp thu. Đã rà soát bảo đảm việc ban hành định mức không làm tăng định mức chi theo các Nghị định của Chính phủ; kinh phí thực hiện được bố trí trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước hằng năm được cấp có thẩm quyền giao, không phát sinh bổ sung kinh phí.
	Cục Chuyển đổi số	Đề nghị rà soát các Phụ lục I, II, III, IV, VII theo hướng bổ sung thiết bị, ứng dụng công nghệ số (máy tính bảng,	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung máy tính bảng, thiết bị định vị GPS cầm tay, thiết bị bay không người lái vào

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		điện thoại thông minh, thiết bị định vị GPS, thiết bị bay không người lái) kèm định mức tiêu hao năng lượng, bảo dưỡng, khấu hao; xem xét ứng dụng định danh số, ghi nhận thông tin vi phạm bằng dữ liệu số thay cho chép sổ tay thủ công.	các bảng định mức máy móc, thiết bị tại các Phụ lục I, II, III, IV, VII; việc tính hao mòn, khấu hao thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với ứng dụng định danh số và ghi nhận vi phạm bằng dữ liệu số: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận để nghiên cứu, bổ sung khi có đủ cơ sở.
	Cục Chuyển đổi số	Đề nghị tham vấn ý kiến các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ liên quan đối với các định mức cụ thể tại các Phụ lục.	Tiếp thu. Đã lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trung ương, các đơn vị thuộc Bộ, các địa phương, tổ chức có liên quan và đăng tải toàn văn hồ sơ trên các Cổng Thông tin điện tử theo quy định.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII quy định nhiều khoản chi phí nhưng chưa rõ nội dung, phạm vi, thành phần của từng khoản, dẫn đến nguy cơ chồng lấn, trùng lặp khi lập, thẩm định dự toán. Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể cho từng khoản chi phí.	Tiếp thu. Đã bổ sung thuyết minh làm rõ nội dung, phạm vi và thành phần của từng khoản mục chi phí tại phần thuyết minh chung của các Phụ lục, bảo đảm không chồng lấn, trùng lặp.
	Bộ Tư pháp	Việc xây dựng Thông tư là cần thiết và có cơ sở. Đề nghị rà soát dự thảo với Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15, Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 và các luật sửa đổi, bổ sung, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi, bổ sung cùng các văn bản có liên quan, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, không phát sinh thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ không đúng quy định; gửi Vụ Pháp chế thẩm định theo Điều 40 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu. Đã rà soát dự thảo và các Phụ lục bảo đảm phù hợp với các văn bản nêu trên, thống nhất, đồng bộ, khả thi; không quy định thủ tục hành chính, không làm phát sinh chi phí tuân thủ không đúng quy định. Hồ sơ sau khi hoàn thiện sẽ được gửi Vụ Pháp chế thẩm định theo quy định trước khi trình Bộ trưởng ký ban hành.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị bám sát Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24/4/2026 để bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước; rà soát tổng thể để chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, không quy định điều kiện đầu tư kinh doanh theo Điều 7 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; tiếp	Tiếp thu. Đã rà soát tổng thể, bảo đảm chỉ quy định nội dung thuộc thẩm quyền ban hành thông tư của Bộ trưởng; không quy định thủ tục hành chính, không quy định điều kiện đầu tư kinh doanh, không quy định về chế độ tiền lương và không làm phát sinh chi ngân sách nhà nước ngoài dự toán được giao. Kết quả tổng kết, đánh

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tục tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện và đánh giá kỹ tác động.	giá đã được thể hiện tại Mục I dự thảo Tờ trình và Bảng so sánh, thuyết minh kèm theo hồ sơ.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long	Đề nghị rà soát các hệ số điều chỉnh tại các Phụ lục bảo đảm có cơ sở rõ ràng, dễ áp dụng, hạn chế cách hiểu khác nhau; hướng dẫn cụ thể trường hợp điều kiện thực tế phát sinh ngoài các mức, hệ số đã quy định.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chuẩn hóa tiêu chí, phạm vi và cách xác định các hệ số điều chỉnh tại các Phụ lục. Đối với trường hợp phát sinh ngoài các mức, hệ số đã quy định: khoản 3 Điều 4 dự thảo đã quy định nguyên tắc xử lý; định mức áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc nên chỉ quy định ở mức phổ quát, các trường hợp đặc thù do cơ quan phê duyệt dự toán xem xét, quyết định theo thẩm quyền.
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, gồm: 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và một số biện pháp lâm sinh. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng; kiểm kê rừng; theo dõi diễn biến rừng;	Vụ Pháp chế	Đề nghị diễn đạt lại khoản 5 Điều 1 để bảo đảm rõ ràng.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý khoản 5 Điều 1 bảo đảm rõ ràng, thống nhất với khoản 3 Điều 6.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
phân định ranh giới rừng. 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng; cho thuê rừng; tuần tra bảo vệ rừng. 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác gỗ và thực vật rừng ngoài gỗ. 5. Định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với một số hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng có nội dung công việc tương tự biện pháp lâm sinh theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này.			
	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Phạm vi quy định là định mức kinh tế - kỹ thuật (hao phí hiện vật) nhưng nội dung lại quy định phương pháp tính tổng chi phí. Đề nghị rà soát cho phù hợp phạm vi điều chỉnh.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc quy định công thức xác định chi phí 01 ngày công lao động và các thành phần chi phí là cần thiết để áp dụng thống nhất khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, kế thừa cách quy định tại các Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT,

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			11/2024/TT-BNNPTNT, 23/2024/TT-BNNPTNT, 58/2025/TT-BNNMT.
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. 2. Các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nghiên cứu khoa học, phát triển giống áp dụng theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Vụ Pháp chế	Đề nghị bỏ cụm từ "cơ quan nhà nước" tại khoản 1 Điều 2 vì đối tượng áp dụng đã có "tổ chức".	Tiếp thu. Đã bỏ cụm từ "cơ quan nhà nước" tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3. Khuyến khích áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này đối với hoạt động sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.			
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị đưa đối tượng khuyến khích áp dụng sang điều khoản khác, tránh cách hiểu đối tượng áp dụng là đối tượng bắt buộc áp dụng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 3 Điều 2 xác định phạm vi chủ thể áp dụng nên được bố trí tại Điều về đối tượng áp dụng; việc quy định thành một khoản riêng đã phân biệt rõ với đối tượng bắt buộc áp dụng tại khoản 1 Điều 2.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung doanh nghiệp nhà nước vào đối tượng áp dụng tại khoản 1 Điều 2.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: cụm từ "tổ chức" tại khoản 1 Điều 2 đã bao hàm doanh nghiệp nhà nước; trường hợp doanh nghiệp nhà nước thực hiện hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước thì thuộc đối tượng áp dụng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị quy định rõ việc áp dụng định mức đối với chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau (theo Thông tư hay theo quy định của nhà tài trợ).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 1 Điều 2 đã xác định rõ Thông tư áp dụng đối với hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; phần kinh phí từ nguồn khác thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 2 và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
	Bộ Tư pháp	Quy định chưa rõ đối với hộ gia đình, cộng đồng dân cư - là chủ rừng phổ biến trong giao rừng, cho thuê rừng nhưng thực tế thường không trực tiếp sử dụng ngân sách nhà nước. Đề nghị quy định rõ hơn phạm vi bắt buộc áp dụng đối với nhóm đối tượng này.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý khoản 1 Điều 2 để làm rõ: tiêu chí xác định đối tượng bắt buộc áp dụng là nguồn kinh phí thực hiện, không phụ thuộc loại chủ thể; hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư chỉ bắt buộc áp dụng khi thực hiện hoạt động có sử dụng nguồn kinh phí nêu trên,

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trường hợp sử dụng nguồn ngoài ngân sách nhà nước thì khuyến khích áp dụng theo khoản 3 Điều 2.
Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm là mức hao phí cần thiết về lao động, vật tư, máy móc thiết bị để hoàn thành một đơn vị sản phẩm trong một điều kiện cụ thể, đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. 2. Các yếu tố hình thành định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm	Vụ Pháp chế; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Khái niệm "cự ly di chuyển" tại khoản 5 Điều 3 dễ dẫn đến cách hiểu là toàn bộ hành trình không sử dụng phương tiện cơ giới. Đề nghị xác định rõ điểm đầu, điểm cuối theo hướng "khoảng cách di chuyển từ vị trí không sử dụng được các phương tiện cơ giới đến nơi thực hiện công việc".	Tiếp thu. Đã chỉnh lý khoản 5 Điều 3 theo hướng xác định rõ điểm đầu của cự ly di chuyển là vị trí không sử dụng được phương tiện cơ giới và điểm cuối là nơi thực hiện công việc.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
lâm gồm: Biện pháp thi công theo hướng dẫn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; điều kiện lập địa và cự ly di chuyển. 3. Hệ số điều chỉnh (K) là hệ số được sử dụng để tính toán, điều chỉnh mức hao phí lao động khi các yếu tố hình thành định mức thay đổi. 4. Điều kiện bình thường là điều kiện mà các yếu tố hình thành định mức được áp dụng phổ biến ở các địa phương với hệ số K=1. 5. Cự ly di chuyển là khoảng cách di chuyển không sử dụng được các phương			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
tiện cơ giới (ô tô, xe máy, thuyền máy) để đến nơi thực hiện công việc.			
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa	Đề nghị chuẩn hóa khái niệm phương tiện tại khoản 5 Điều 3 thành "các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phương tiện thủy nội địa có động cơ" theo Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 và Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý khoản 5 Điều 3 chuẩn hóa khái niệm phương tiện phù hợp với pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và giao thông đường thủy nội địa.
	Cục Quản lý đất đai	Đề nghị quy định và phân biệt rõ định mức với chi phí cho một hoạt động, dự án, nhiệm vụ, chương trình.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 1 Điều 3 đã giải thích định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết để hoàn thành một đơn vị sản phẩm; chi phí của hoạt động, nhiệm vụ, chương trình, dự án được xác định trên cơ sở định mức và đơn giá theo pháp luật về ngân sách, đầu tư, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Khoản 2 Điều 3 mới nêu "lĩnh vực lâm nghiệp" trong khi Thông tư điều chỉnh cả lĩnh vực kiểm lâm; đề nghị sửa thành "trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm" và bổ sung các yếu tố loại rừng, địa hình, quy mô, công nghệ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 2 Điều 3 đã sử dụng cụm từ "trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm", bảo đảm thống nhất với tên gọi và phạm vi điều chỉnh; các yếu tố loại rừng, địa hình, quy mô đã được thể hiện thông qua hệ số điều chỉnh (K) quy định tại các Phụ lục.
	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	Dự thảo xây dựng hao phí vật tư, thiết bị, dụng cụ tiêu hao theo tỷ lệ trên chi phí lao động, không xác định cụ thể danh mục, số lượng như Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021. Đề nghị thuyết minh rõ quy định này.	Tiếp thu. Đã bổ sung thuyết minh tại Bảng so sánh, thuyết minh: đối với hoạt động thực hiện phân tán tại hiện trường, việc xác định danh mục, số lượng cụ thể từng loại vật tư, dụng cụ tiêu hao cho một đơn vị sản phẩm là khó khả thi, do đó kế thừa cách xác định theo tỷ lệ trên chi phí nhân công của các Thông tư hiện hành.
	Bộ Tư pháp	Khoản 3 Điều 3 mới giải thích chung về hệ số điều chỉnh (K), chưa giải thích, dẫn chiếu thống nhất các hệ số thành phần (hệ số khó khăn K5, hệ số cự ly di chuyển	Tiếp thu. Đã chỉnh lý khoản 3 Điều 3 theo hướng giải thích hệ số điều chỉnh (K) là tích của các hệ số thành phần và dẫn chiếu thống nhất các hệ số thành phần được

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Ki, hệ số loại rừng Kj...). Đề nghị hoàn thiện giải thích từ ngữ bảo đảm rõ ràng, dễ tra cứu.	quy định cụ thể tại các Phụ lục; đồng thời chuẩn hóa ký hiệu các hệ số giữa phần quy định của Thông tư và các Phụ lục.
Điều 4. Nguyên tắc áp dụng 1. Căn cứ điều kiện lập địa, biện pháp kỹ thuật, cự ly di chuyển và loại rừng áp dụng hệ số điều chỉnh (K) để tính toán mức hao phí lao động cần thiết cho từng hạng mục công việc khi lập thiết kế, dự toán hoặc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện. Việc áp dụng hệ số điều chỉnh (K) được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp đồng thời có nhiều yếu tố làm thay đổi định	Vụ Pháp chế; Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Phú Thọ, Hà Tĩnh, Nghệ An, Vĩnh Long	Về khoản 5 Điều 4 "Hệ số lương cụ thể cho từng công việc trong các bảng định mức do cơ quan phê duyệt dự toán quyết định; nhân lực thực hiện được hưởng theo hệ số lương cụ thể của công việc đó": đề nghị bỏ hoặc chỉnh sửa để phù hợp pháp luật về lao động, tiền lương; làm rõ căn cứ, nguyên tắc, tiêu chí, giới hạn xác định hệ số lương gắn với vị trí việc làm, cấp bậc kỹ thuật và chế độ phụ cấp; tránh cách hiểu cơ quan phê duyệt dự toán được tự quyết định hệ số lương hoặc làm phát sinh, thay đổi chế độ tiền lương; đồng thời xây dựng công thức khung và bảng cấp bậc công việc dùng chung, bảo đảm thống nhất giữa các Phụ lục.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chuẩn hóa công thức, bảng cấp bậc công việc và khoảng hệ số lương giữa các Phụ lục, bảo đảm phụ cấp, hệ số chỉ được áp dụng khi có căn cứ pháp lý và điều kiện thực tế, tránh tính trùng. Đối với đề nghị bỏ hoặc ấn định cứng hệ số lương tại khoản 5 Điều 4: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hệ số lương tại các bảng định mức chỉ là cơ sở xác định chi phí nhân công khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, không phải quy định về chế độ tiền lương và không làm phát sinh, thay đổi chế độ tiền lương của công chức, viên chức, người lao động; do tính chất công việc, điều kiện thực hiện và cấp bậc kỹ thuật khác nhau giữa các nhiệm vụ, địa bàn nên không thể ấn định một hệ số lương cứng cho toàn bộ các hạng mục công việc; việc xác định hệ số lương cụ thể trong khoảng hệ số và cấp bậc công việc quy định tại các bảng định mức, phù hợp với pháp luật về tiền lương, do cơ quan phê duyệt dự toán quyết định.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
mức thì hệ số điều chỉnh (K) được xác định bằng tích các hệ số điều chỉnh của từng yếu tố, trừ trường hợp Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này có quy định khác. 2. Việc áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tuân thủ yêu cầu được quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình thực hiện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. 3. Đối với những công việc chưa được quy định định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật của cơ quan			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan. 4. Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số để nâng cao chất lượng và giảm thời gian thực hiện; giá trị thực hiện được xác định trên cơ sở kết quả, sản phẩm và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 5. Hệ số lương cụ thể cho từng công việc trong các bảng định mức do cơ quan phê duyệt dự toán quyết định; nhân lực thực hiện được hưởng theo hệ số lương cụ thể của công việc đó.			
	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh:	Đề nghị quy định mức trần tổng hợp của hệ số điều chỉnh (K) và nguyên tắc lựa chọn hệ số khi nhiều yếu tố	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các hệ số điều chỉnh (K) được xây dựng trên cơ sở điều kiện thực tế

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Phú Thọ, Nghệ An, Quảng Ninh	bất lợi cùng tồn tại, tránh tích lũy hệ số làm tăng định mức vượt quá hao phí thực tế; bổ sung tiêu chí khách quan về độ dốc, địa hình chia cắt, mật độ thực bì, cự ly đi bộ, quy mô phân tán, thời tiết và quy định việc lập biên bản xác định hệ số ngay từ bước khảo sát, thiết kế.	thực hiện công việc và kế thừa quy định hiện hành; dự thảo đã quy định hệ số theo độ dốc, nhóm thực bì, loại đất, cự ly di chuyển bên cạnh hệ số khu vực. Việc quy định mức trần tổng hợp có thể không phản ánh đúng hao phí lao động tại địa bàn khó khăn; khả năng cân đối ngân sách được bảo đảm thông qua khâu lập, thẩm định, phê duyệt dự toán. Việc lập biên bản xác định các yếu tố áp dụng hệ số thuộc quy trình khảo sát, lập thiết kế, dự toán. Ghi nhận nội dung về mức trần để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị bổ sung tại khoản 1 Điều 4 công thức tính tổng quát hệ số điều chỉnh (Mđc = Mnc × K1 × K2 × … × Kn) và nguyên tắc làm tròn hệ số điều chỉnh (K) khi lập thiết kế, dự toán.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 1 Điều 4 đã quy định nguyên tắc xác định hệ số điều chỉnh (K) bằng tích các hệ số của từng yếu tố, trừ trường hợp Phụ lục có quy định khác; cách xác định và ví dụ áp dụng được hướng dẫn tại từng Phụ lục. Việc làm tròn số khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của cơ quan tài chính.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị phân biệt rõ tại khoản 2 Điều 4 nguyên tắc áp dụng bắt buộc đối với quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tự nguyện đối với tiêu chuẩn.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nguyên tắc áp dụng bắt buộc đối với quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tự nguyện đối với tiêu chuẩn đã được quy định tại pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, không quy định lại tại Thông tư này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung định mức trong trường hợp áp dụng công nghệ mới như thiết bị bay không người lái, ảnh viễn thám, trí tuệ nhân tạo hoặc phần mềm chuyên ngành.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 4 Điều 4 đã quy định khuyến khích áp dụng công nghệ, phương tiện, thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất lao động; các nội dung đề nghị bổ sung chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức, trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4. Ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Phần Trình tự thực hiện của các định mức chưa xác định cụ thể tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình được áp dụng theo khoản 2 Điều 4. Đề nghị bổ sung cụ thể các văn bản làm căn cứ áp dụng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các Điều 5, 6, 7, 8, 9 dự thảo đã quy định trình tự thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; việc dẫn chiếu theo tên loại văn bản (không dẫn số hiệu cụ thể) nhằm bảo đảm tính ổn định của Thông tư khi văn bản được viện dẫn được sửa đổi, bổ sung, thay thế, phù hợp với khoản 3 Điều 16 dự thảo.
	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	Đề nghị quy định cụ thể định biên lao động, gồm số lượng và cấp bậc lao động cần thiết cho từng nội dung, công đoạn công việc, làm cơ sở xác định chi phí nhân công.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các Phụ lục đã quy định cấp bậc công việc, hệ số lương và định mức lao động gián tiếp tương ứng với từng nhóm công việc; việc bố trí số lượng lao động cụ thể cho từng công đoạn do đơn vị thực hiện quyết định trên cơ sở khối lượng công việc và tiến độ được phê duyệt.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Công thức tính chi phí 01 ngày công lao động (Tngày) không thống nhất giữa các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VIII (khác nhau về phụ cấp lưu động, phụ cấp nặng nhọc, hệ số khu vực, thời tiết), dẫn đến cùng một loại công việc thực địa nhưng chi phí ngày công khác nhau. Đề nghị thống nhất một công thức chung cho toàn bộ Thông tư; các Phụ lục chỉ quy định hệ số bậc lương cho từng hạng mục công việc.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chuẩn hóa ký hiệu và cách thể hiện các thành phần hệ số trong công thức xác định chi phí 01 ngày công lao động giữa các Phụ lục. Đối với đề nghị quy định một công thức chung duy nhất: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tính chất công việc của từng nhóm hoạt động khác nhau (nội nghiệp, ngoại nghiệp, lưu động, nặng nhọc, độc hại) nên các khoản phụ cấp được tính không giống nhau.
	Cục Chuyển đổi số	Quy định "giá trị thực hiện được xác định trên cơ sở kết quả, sản phẩm và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt" tại khoản 4 Điều 4 còn chung chung. Đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định dự toán khi áp dụng công nghệ số.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chỉnh lý khoản 4 Điều 4 dự thảo Thông tư.
	Bộ Tư pháp	Khoản 3 Điều 4 chưa rõ ràng, có thể dẫn đến áp dụng tùy nghi nhiều loại định mức khác nhau; khoản 5 Điều 4 giao cơ quan phê duyệt dự toán quyết định hệ số lương nhưng chưa có khung, tiêu chí thống nhất. Đề nghị quy định cụ thể hơn.	Tiếp thu một phần. Đã chỉnh lý khoản 3 Điều 4 theo hướng quy định rõ thứ tự ưu tiên áp dụng đối với công việc chưa được quy định định mức tại Thông tư này và trách nhiệm của cơ quan phê duyệt dự toán trong việc lựa chọn, quyết định định mức áp dụng, bảo đảm không áp dụng tùy nghi. Đối với khoản 5 Điều 4: đề nghị giữ

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			nguyên như dự thảo. Lý do: xem nội dung giải trình tại ý kiến về hệ số lương nêu trên.
Điều 5. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp 1. Trình tự thực hiện: thực hiện theo hướng dẫn tại tiểu Mục I Phần I Phụ lục I kèm theo Thông tư này. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật a) Định mức kinh tế - kỹ thuật các khâu sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp áp dụng tại Mục III Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. b) Hệ số điều chỉnh định mức; cấp bậc công việc và định mức lao động	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Bắc Ninh, Điện Biên, Tây Ninh, Cà Mau	Dẫn chiếu tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 chưa đúng kết cấu Phụ lục I: định mức các khâu sản xuất giống được bố trí tại Mục II Phần I Phụ lục I (dự thảo đang dẫn Mục III); hệ số điều chỉnh, cấp bậc công việc và định mức lao động gián tiếp được bố trí tại Mục III Phần I Phụ lục I (dự thảo đang dẫn Mục I). Đề nghị chỉnh sửa; đồng thời bỏ từ "Tiểu" trong cụm từ "tại tiểu Mục I Phần I" tại khoản 1 Điều 5 và rà soát toàn bộ dẫn chiếu đến Phụ lục I tại khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 6.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa toàn bộ dẫn chiếu tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 bảo đảm chính xác, thống nhất với kết cấu Phụ lục I.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
gián tiếp cho các khâu sản xuất giống áp dụng quy định tại Mục I phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để lập thiết kế, dự toán.			
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội	Đề nghị bổ sung thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của các số liệu tại các bảng định mức Phụ lục I; không sử dụng Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT làm căn cứ thuyết minh cho định mức sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp vì Thông tư này chỉ quy định định mức giao rừng, cho thuê rừng.	Tiếp thu. Đã bổ sung thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của các số liệu tại Phụ lục I và chỉnh lý Bảng so sánh, thuyết minh; không sử dụng Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT làm căn cứ thuyết minh đối với nội dung nêu trên.
	Cục Chuyển đổi số	Đề nghị bổ sung định mức công lao động và chi phí vật tư cho việc gắn mã QR, tem điện tử, chip RFID phục vụ truy xuất nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung này chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát về hao phí lao động, vật tư làm cơ sở xây dựng định mức. Ghi nhận để nghiên cứu, bổ sung khi có đủ cơ sở.
Điều 6. Định mức kinh tế - kỹ thuật về một số biện pháp lâm sinh 1. Trình tự thực hiện: thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý giống cây trồng	Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Bắc Ninh, Tây Ninh, Cà Mau	Dẫn chiếu tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 chưa đúng kết cấu Phụ lục I: định mức một số biện pháp lâm sinh được bố trí tại Mục I Phần II Phụ lục I (dự thảo đang dẫn Mục II); hệ số điều chỉnh, phân loại đất trồng rừng, phân loại thực bì phát vỡ, cấp bậc công việc và định mức lao động gián tiếp được bố trí tại Mục II Phần II Phụ lục I (dự thảo đang dẫn Mục I). Đề nghị chỉnh sửa và viết hoa thống nhất tên các đơn vị kết cấu của Phụ lục.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa dẫn chiếu tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 bảo đảm thống nhất với kết cấu Phần II Phụ lục I và chuẩn hóa cách viết hoa tên các đơn vị kết cấu của Phụ lục trong toàn bộ dự thảo Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
lâm nghiệp và các biện pháp lâm sinh. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật a) Định mức kinh tế - kỹ thuật về một số biện pháp lâm sinh áp dụng tại Mục II Phần II Phụ lục I kèm theo Thông tư này. b) Hệ số điều chỉnh định mức; phân loại đất trồng rừng; phân loại thực bì phát vỡ; cấp bậc công việc và định mức lao động gián tiếp cho các biện pháp lâm sinh áp dụng quy định tại mục I phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để lập thiết kế, dự toán.			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
3. Đối với các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng có nội dung công việc tương tự biện pháp lâm sinh, thì được áp dụng theo định mức tại Bảng 4 và Bảng 5 mục 6 Phần II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.			
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Sơn La, Nghệ An, Lâm Đồng	Phạm vi áp dụng định mức đối với hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng tại khoản 5 Điều 1 và khoản 3 Điều 6 còn hẹp, chưa rõ ràng (chỉ dẫn chiếu Bảng 4, Bảng 5 mục 6 Phần II Phụ lục I). Đề nghị quy định cụ thể phạm vi, danh mục các nhóm công việc được áp dụng định mức (làm đường băng cản lửa; phát dọn, giảm vật liệu cháy, kể cả vùi lấp tại chỗ; tuần tra, canh gác, trực phòng cháy; thực tập phương án; huy động lực lượng, vận chuyển và sử dụng thiết bị chữa cháy); bổ sung Phụ lục định mức riêng và hướng dẫn xác định cấp bậc công việc đối với hoạt động giảm vật liệu cháy; đồng thời tham mưu ban hành quy trình kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy rừng.	Đề nghị giữ nguyên khoản 5 Điều 1 và khoản 3 Điều 6 như dự thảo. Lý do: hiện chưa có quy trình kỹ thuật đối với các hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng làm cơ sở xây dựng định mức; do đó dự thảo chỉ quy định áp dụng định mức đối với hoạt động có nội dung công việc tương tự biện pháp lâm sinh, cấp bậc công việc áp dụng theo biện pháp lâm sinh tương ứng tại Mục II Phần II Phụ lục I (đã được rà soát, làm rõ tại Phụ lục I); các công việc chưa có định mức thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo. Việc ban hành quy trình kỹ thuật và Phụ lục định mức riêng vượt quá phạm vi điều chỉnh của Thông tư này; cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét đưa vào chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.
Điều 7. Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng	Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 7 cho phép áp dụng định mức tại Phần II Phụ lục II đối với hoạt động giám sát đa dạng sinh học có nội dung công việc tương tự điều tra rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hoạt động giám sát đa dạng sinh học không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định tại Điều 1; trường hợp có nội

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Trình tự thực hiện Nhiệm vụ, quy trình, nội dung, phương pháp, thành quả điều tra rừng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lâm nghiệp. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.			dung công việc tương tự điều tra rừng thì thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo.
	Cục Chuyển đổi số	Đề nghị đưa định mức sử dụng công nghệ số vào quy trình điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng tại các Điều 7, 8, 9; quy định rõ sản phẩm cuối cùng phải bao gồm dữ liệu số được chuẩn hóa, sẵn sàng tích hợp, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nhiệm vụ, quy trình, nội dung, phương pháp và thành quả điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; Thông tư chỉ quy định định mức tương ứng và đã có định mức cho các bước công việc ứng dụng công nghệ (giải đoán ảnh viễn thám, xử lý số liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu). Nội dung chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ dữ liệu số được ghi nhận để quy định tại văn bản chuyên ngành có liên quan.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 8. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng 1. Trình tự thực hiện Nhiệm vụ, nội dung, yêu cầu, quy trình, thành quả kiểm kê rừng và hồ sơ quản lý rừng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lâm nghiệp. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.			
Điều 9. Định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1. Trình tự thực hiện Nhiệm vụ, nội dung, quy trình, thành quả theo dõi diễn biến rừng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Lâm nghiệp. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.			
Điều 10. Định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng 1. Trình tự thực hiện a) Trình tự thực hiện lập hồ sơ phân định ranh giới rừng thực hiện theo quy	Vụ Pháp chế	Đề nghị chỉ rõ "cấp có thẩm quyền" tại điểm c khoản 2 Điều 10 để bảo đảm thống nhất, tránh tùy tiện trong áp dụng pháp luật.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý điểm c khoản 2 Điều 10 theo hướng xác định rõ thẩm quyền quyết định là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
định tại Mục II Phần A Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. b) Trình tự thực hiện cắm mốc, bảng phân định ranh giới rừng thực hiện theo quy định tại Mục II Phần B Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật a) Định mức kinh tế - kỹ thuật lập hồ sơ phân định ranh giới rừng thực hiện theo quy định tại Mục III Phần A Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. b) Định mức kinh tế - kỹ thuật cắm mốc, bảng phân định			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
ranh giới rừng thực hiện theo quy định tại Mục III Phần B Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này. c) Trường hợp thiết kế mốc, bảng phân định ranh giới rừng, sử dụng biện pháp thi công và định mức nhân công, vật liệu, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ không quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.			
Điều 11. Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng 1. Trình tự thực hiện Trình tự, nội dung công việc giao rừng, cho thuê rừng	Bộ Tư pháp	Đề nghị quy định trực tiếp tại Điều 11, Điều 12 thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức cụ thể, thay vì chỉ dẫn chiếu đến Phụ lục VI, Phụ lục VII mang tính kỹ thuật.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý Điều 11, Điều 12 theo hướng quy định trực tiếp việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức cụ thể áp dụng tại địa phương trong khoảng định mức quy định tại Phụ lục VI, Phụ lục VII; đồng thời bảo đảm thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thực hiện theo quy định tại Phần II Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng thực hiện theo quy định tại Phần III Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.			
Điều 12. Định mức kinh tế - kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng 1. Yêu cầu kỹ thuật: Tuần tra bảo vệ rừng theo điểm hoặc theo tuyến. Kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, săn, bắt, bẫy động vật	Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Sơn La, Nghệ An	Đề nghị bổ sung, điều chỉnh hệ số điều chỉnh định mức lao động tuần tra theo độ dốc, địa hình chia cắt, khu vực biên giới, điều kiện đi lại khó khăn và trường hợp tuần tra nhiều ngày, lưu trú trong rừng; chia nhỏ các mức hệ số cự ly di chuyển tại điểm a khoản 3 Điều 12 (hiện chỉ có dưới 20 km và từ 20 km trở lên, chênh lệch 0,05).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tuần tra bảo vệ rừng được xác định theo hệ số cự ly di chuyển (Ki) và hệ số loại rừng (Kj), kế thừa Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT và kết quả khảo sát thực tế tại các địa phương.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
rừng, gỡ bẫy bắt động vật rừng trên điểm và tuyến tuần tra; yêu cầu tạm dừng hành vi vi phạm, ghi âm, ghi hình để ghi nhận sự việc tại hiện trường; lập biên bản làm việc và thông tin kịp thời đến người có thẩm quyền để chỉ đạo xử lý; xác định các địa điểm, vị trí bị phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, săn, bắt, bẫy động vật rừng, gỡ bẫy bắt động vật rừng; ghi chép cụ thể các thông tin phát hiện trung thực, chính xác theo thực tế, xác định các nguyên nhân phá rừng, khai thác rừng, lấn chiếm đất rừng, mất rừng. 2. Trình tự thực hiện:			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
a) Chuẩn bị tuần tra: Trước khi thực hiện tuần tra bảo vệ rừng, cần chuẩn bị các tài liệu, dụng cụ, thiết bị cần thiết như: Bản đồ giấy hoặc bản đồ số khu vực tuần tra, giấy viết, bút viết, sổ ghi chép, sơn xịt, dao phát, đèn pin, quần áo bảo hộ đi rừng, giày, tất, ủng, mũ, áo mưa, thuốc ngăn ngừa côn trùng cắn, thuốc y tế thông thường, võng, tăng đi rừng, lều, bạt, màn, dây thừng, ba lô, nhu yếu phẩm cần thiết. b) Tổ chức tuần tra bảo vệ rừng: Đi tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý các công việc về bảo vệ rừng trong quá trình thực hiện.			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
c) Báo cáo kết quả tuần tra. 3. Định mức kinh tế - kỹ thuật a) Điều kiện áp dụng - Hệ số cự ly di chuyển (Ki): Ki = 1,0 khi cự ly di chuyển dưới 20 km, Ki = 1,05 khi cự ly di chuyển từ 20 km trở lên; - Hệ số loại rừng (Kj): Áp dụng Kj = 1 đối với rừng trồng; Kj= 1,05 đối với rừng tự nhiên. b) Nhân công: Từ 7,28 - 8,05 công/ha/năm. c) Chi phí vật tư không quá 5% giá trị nhân công theo điểm b khoản này. d) Chi tiết các bước công việc và định mức tuần tra bảo vệ			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
rừng theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.			
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	Định mức nhân công tuần tra tại điểm b khoản 3 Điều 12 là "7,28 - 8,05 công/ha/năm" trong khi Bảng 1 Mục II Phụ lục VII là "7,28 - 8,03 công/ha/năm". Đề nghị thống nhất số liệu; làm rõ cơ sở xác định khoảng định mức, tiêu chí lựa chọn giá trị trong khoảng và bổ sung ví dụ tính toán.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa điểm b khoản 3 Điều 12 thống nhất với Bảng 1 Mục II Phụ lục VII (7,28 - 8,03 công/ha/năm); đồng thời bổ sung thuyết minh cơ sở xác định khoảng định mức và nguyên tắc áp dụng các hệ số điều chỉnh.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung cơ sở xác định tỷ lệ chi phí vật tư không quá 5% giá trị nhân công tại điểm c khoản 3 Điều 12; nêu rõ danh mục, tuổi thọ, quy tắc phân bổ công cụ lâu bền và nội dung chi; đồng thời quy định tiêu chí phân loại địa hình tương ứng với từng mức định mức nhân công.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tỷ lệ chi phí máy móc, thiết bị, vật tư tối đa 5% giá trị nhân công được kế thừa từ các Thông tư hiện hành và kết quả khảo sát thực tế, không làm tăng chi ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15); cơ sở xác định đã thuyết minh tại hồ sơ dự thảo.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị sửa "khai thác rừng" thành "khai thác trái phép rừng" tại khoản 1 Điều 12.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tuần tra bảo vệ rừng bao gồm cả việc kiểm tra hoạt động khai thác rừng để đối chiếu với hồ sơ, phương án khai thác đã được phê duyệt; việc xác định hành vi khai thác rừng trái pháp luật

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thuộc thẩm quyền của người có thẩm quyền xử lý theo quy định, do đó không giới hạn nội dung công việc tuần tra ở hành vi "khai thác trái phép rừng".
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Đề nghị chuyển nội dung "Yêu cầu kỹ thuật" tại Điều 12 xuống Phụ lục VII để thống nhất bố cục với các điều khác của Chương II.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý bố cục Điều 12; nội dung yêu cầu kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng được chuyển vào Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư.
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Kết quả tuần tra là nguồn tài liệu quan trọng để kiểm tra, xác minh, bảo toàn dấu vết và thu thập chứng cứ. Đề nghị bổ sung tại Phụ lục VII nội dung ghi nhận vị trí, thời gian, hiện trạng ban đầu (thời gian, tuyến hoặc điểm tuần tra; địa điểm, tọa độ; mô tả hiện trạng, dấu vết; hành vi hoặc dấu hiệu vi phạm; biện pháp đã thực hiện; cơ quan, người có thẩm quyền đã tiếp nhận) và rà soát định mức vật tư, thiết bị tương thích với yêu cầu ghi âm, ghi hình, định vị tại Điều 12.	Tiếp thu. Đã bổ sung đầy đủ các nội dung ghi nhận thông tin nêu trên tại Phụ lục VII và rà soát định mức vật tư, máy móc, thiết bị (thiết bị ghi âm, ghi hình, thiết bị định vị, biểu mẫu ghi chép hiện trường) bảo đảm tương thích với yêu cầu kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng quy định tại Điều 12.
Điều 13. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác gỗ 1. Trình tự thực hiện: a) Xây dựng phương án khai thác; b) Chuẩn bị đường vận xuất, vận chuyển, bãi gom, bãi giao gỗ; c) Thực hiện khai thác gỗ;	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Lạng Sơn, Nghệ An, Thái Nguyên	Đề nghị sửa "Vệ sinh sinh sau khai thác" tại điểm d khoản 1 Điều 13 thành "Vệ sinh rừng sau khai thác" và sửa "Định mức kinh tế - kỹ thuật khai gỗ" tại khoản 2 Điều 13 thành "Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác gỗ".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa cả hai lỗi kỹ thuật nêu trên tại Điều 13 dự thảo Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
d) Vệ sinh sinh sau khai thác Chi tiết thực hiện theo quy định tại phần II Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai gỗ quy định tại phần III Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.			
Điều 14. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác thực vật rừng ngoài gỗ 1. Trình tự thực hiện a) Xây dựng phương án khai thác; b) Chuẩn bị đường vận xuất, vận chuyển, bãi gom, bãi giao; c) Thực hiện khai thác	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Đề nghị sửa "Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thực vật rừng ngoài gỗ" tại khoản 2 Điều 14 thành "Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác thực vật rừng ngoài gỗ".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành "Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác thực vật rừng ngoài gỗ".

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thực vật rừng ngoài gỗ. Chi tiết thực hiện theo quy định tại phần II Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thực vật rừng ngoài gỗ quy định tại phần III Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.			
Điều 15. Tổ chức thực hiện 1. Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan: a) Tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm	Vụ Tổ chức cán bộ	Đề nghị làm rõ quy định "diện tích rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao quản lý" tại khoản 2 Điều 15.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: diện tích rừng do Bộ được giao quản lý được xác định theo quyết định giao rừng, giao đất của cấp có thẩm quyền và pháp luật về lâm nghiệp, đất đai; Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật không quy định lại nội dung này.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
lâm quy định tại Thông tư này; b) Chỉ đạo thực hiện việc giao rừng, cho thuê rừng đối với diện tích rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao quản lý. 2. Vụ Kế hoạch - Tài chính: bố trí nguồn kinh phí của Bộ để thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này đối với diện tích rừng do Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao quản lý. 3. Các đơn vị khác thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường: theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi Thông tư này. 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: a) Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn. b) Bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi Thông tư này theo quy định của pháp luật và chỉ đạo bảo đảm các diện tích rừng có chủ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Lâm nghiệp. c) Hàng năm ban hành văn bản công bố đơn giá ngày công lao động lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh để			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
làm căn cứ lập thiết kế, dự toán. 5. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố: a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các chính quyền cấp xã, chủ rừng, tổ chức, cá nhân trên địa bàn về nội dung của Thông tư này; b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này tại địa phương. 6. Chủ rừng là tổ chức nhà nước được giao rừng, cho thuê rừng: a) Áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này khi lập thiết kế, dự toán, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này đối với diện tích rừng được giao, được thuê có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp; b) Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện nghiệm thu, thanh, quyết toán theo quy định của pháp luật. 7. Hằng năm, chủ rừng đã thực hiện cắm mốc, bảng phân định ranh giới rừng có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo về tình hình quản lý mốc, bảng phân định ranh giới rừng với cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp,			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
kiểm lâm theo phân cấp.			
	Vụ Tổ chức cán bộ	Đề nghị bổ sung điều khoản về trách nhiệm thi hành đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các bộ, cơ quan ngang bộ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 4 Điều 15 đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong chỉ đạo, tổ chức triển khai và bố trí kinh phí; đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, việc áp dụng định mức thực hiện theo Điều 2 dự thảo và pháp luật có liên quan.
	Vụ Pháp chế	Đề nghị bỏ nội dung "và chỉ đạo bảo đảm các diện tích rừng có chủ theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Lâm nghiệp" tại điểm b khoản 4 Điều 15 và bỏ khoản 7 Điều 15 do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư.	Tiếp thu. Đã bỏ nội dung nêu trên tại điểm b khoản 4 Điều 15 và bỏ khoản 7 Điều 15 dự thảo Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Nghệ An, Quảng Ninh	Về quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh "hằng năm ban hành văn bản công bố đơn giá ngày công lao động lâm nghiệp" tại điểm c khoản 4 Điều 15: đề nghị bổ sung phương pháp, trình tự xây dựng, ban hành đơn giá và phương án áp dụng khi địa phương chưa ban hành được đơn giá; quy định linh hoạt về thời điểm công bố theo hướng chỉ công bố lại khi các căn cứ xác định đơn giá thay đổi; làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm cơ quan tham mưu; đồng thời rà soát các căn cứ về hệ số lương, phụ cấp, chế độ tiền lương được viện dẫn tại các Phụ lục.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý điểm c khoản 4 Điều 15 theo hướng bỏ quy định công bố đơn giá "hằng năm"; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản công bố đơn giá ngày công lao động lâm nghiệp và công bố lại khi các căn cứ xác định đơn giá thay đổi, thời điểm công bố do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, bảo đảm kịp thời cho việc lập dự toán năm sau. Đã bổ sung công thức, phương pháp xác định chi phí 01 ngày công lao động tại các Phụ lục làm cơ sở xây dựng, công bố đơn giá và rà soát, chỉnh lý các căn cứ về hệ số lương, phụ cấp, chế độ tiền lương được viện dẫn. Việc xây dựng, ban hành đơn giá thực hiện theo pháp luật về giá và chế độ tiền lương, không quy định lại tại Thông tư này.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Nghệ An, Quảng Ninh	Đề nghị bổ sung tại Điều 15 trách nhiệm của Chi cục Kiểm lâm trong tham mưu, hướng dẫn, phối hợp kiểm tra việc áp dụng định mức và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (tuyên truyền, hướng dẫn chủ rừng, cộng đồng dân cư; cung cấp, kiểm tra thông tin địa bàn; tổ chức công khai, tham vấn cộng đồng; xác nhận kết quả thực địa; tiếp nhận, bảo vệ mốc; phối hợp kiểm tra, giám sát	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: theo Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Thông tư của Bộ trưởng không phân công, giao thẩm quyền quyết định hành chính trực tiếp cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chính quyền cấp xã. Khoản 4 Điều 15 đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Thông tư trên địa bàn, bao gồm việc phân công nhiệm vụ cho

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		việc áp dụng định mức), nhất là đối với diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê; đồng thời làm rõ nguyên tắc dự toán phải bao gồm đầy đủ chi phí tương ứng với khối lượng công việc mà cấp xã thực tế thực hiện.	cơ quan kiểm lâm và Ủy ban nhân dân cấp xã. Các công việc chuyên môn có yêu cầu kỹ thuật cao do đơn vị đủ điều kiện năng lực thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; dự toán nhiệm vụ được lập trên cơ sở khối lượng công việc thực tế và định mức quy định tại các Phụ lục, trong đó các bước công việc thực hiện tại địa bàn cấp xã đã được xác định định mức tương ứng.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung trách nhiệm theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư sau khi ban hành; tổng hợp khó khăn, vướng mắc; định kỳ rà soát, cập nhật, điều chỉnh định mức khi có thay đổi về công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định pháp luật hoặc biến động lớn về giá nhân công, vật tư.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: điểm a khoản 1 Điều 15 đã quy định Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện; khoản 4 Điều 16 đã quy định việc phản ánh khó khăn, vướng mắc về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết. Việc định kỳ rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.
	Bộ Nội vụ	Đề nghị thay quy định giao thẩm quyền trực tiếp cho "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 5 Điều 15 thành "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" hoặc "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh", phù hợp nguyên tắc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 5 Điều 15 chỉ quy định các nhiệm vụ mang tính chuyên môn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện tại địa phương), không phân công, phân cấp hoặc giao thẩm quyền quyết định hành chính; trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức triển khai và bố trí kinh phí trên địa bàn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã được quy định tại khoản 4 Điều 15.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh	Khoản 7 Điều 15 giao chủ rừng hằng năm kiểm tra, báo cáo tình hình quản lý mốc, bảng phân định ranh giới rừng nhưng Phụ lục V chưa có định mức cho việc kiểm tra định kỳ, sơn sửa, sửa chữa, thay thế hoặc dựng lại mốc, bảng bị mất, hư hỏng, xê dịch.	Tiếp thu một phần. Khoản 7 Điều 15 đã được bỏ theo ý kiến của Vụ Pháp chế. Đối với định mức kiểm tra định kỳ, sơn sửa, sửa chữa, thay thế mốc, bảng phân định ranh giới rừng: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung này chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	Nguồn thu hợp pháp khác (dịch vụ môi trường rừng, trồng rừng thay thế do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng chi trả, quản lý) chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí lâm sinh và tuần tra bảo vệ rừng. Đề nghị bổ sung tại Điều 15 vai trò của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trung ương và cấp tỉnh trong thẩm định, thanh toán, quyết toán theo định mức.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc thẩm định, thanh toán, quyết toán kinh phí từ nguồn dịch vụ môi trường rừng, tiền trồng rừng thay thế do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng quản lý thực hiện theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn, không quy định lại tại Thông tư này.
	Cục Chuyển đổi số	Đề nghị bổ sung tại Điều 15 quy định về quy chuẩn dữ liệu số, kết nối, chia sẻ dữ liệu và an toàn thông tin theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP đối với bản đồ, dữ liệu điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, giao rừng, cho thuê rừng được thành lập bằng ngân sách nhà nước.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử và an toàn thông tin mạng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật; cơ quan, tổ chức khi thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định nêu trên.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Khoản 6 Điều 15 xác định đối tượng áp dụng định mức là chủ rừng là tổ chức nhà nước, chưa làm rõ trường hợp chủ rừng không phải tổ chức nhà nước (như cộng đồng dân cư) được giao nhiệm vụ, đặt hàng thực hiện hoạt động lâm nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước.	Tiếp thu. Theo Điều 2 dự thảo, đối tượng áp dụng bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư có hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp; do đó trường hợp nêu trên vẫn thuộc đối tượng áp dụng định mức của Thông tư này.
Điều 16. Điều khoản thi hành 1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm ….. 2. Các văn bản sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:	Bộ Khoa học và Công nghệ; Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và điểm e khoản 2 Điều 16 về phạm vi xử lý hiệu lực của Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN (Tờ trình nêu bãi bỏ một phần, dự thảo Thông tư quy định hết hiệu lực toàn bộ); rà soát tình trạng hiệu lực, cách thức xử lý và sắp xếp danh mục văn bản theo thứ tự thời gian ban hành.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý dự thảo Tờ trình thống nhất với điểm e khoản 2 Điều 16 dự thảo Thông tư và sắp xếp lại danh mục văn bản hết hiệu lực theo thứ tự thời gian ban hành, bảo đảm đúng kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
a) Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp; b) Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng; c) Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; d) Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng; đ) Thông tư số 58/2025/TT-BNNMT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng; e) Quyết định số			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
38/2005/QĐ-BNN ngày 06 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng; g) Quyết định số 20/2006/QĐ-BNN ngày 28 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành tạm thời định mức lao động thiết kế khai thác và thẩm định thiết kế khai thác rừng; h) Quyết định số 400/LĐ-QĐ ngày 26 tháng 4 năm 1982 của Bộ trưởng Bộ			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Lâm nghiệp ban hành tạm thời mức lao động khai thác lâm sản. 3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. 4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.			
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát danh mục các văn bản hết hiệu lực tại Điều 16 bảo đảm đầy đủ, tránh bỏ sót hoặc chồng chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: kết quả rà soát cho thấy danh mục tại khoản 2 Điều 16 đã bao quát đầy đủ 08 văn bản quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, không bỏ sót, không chồng chéo.
	Bộ Tư pháp	Đề nghị chỉnh lý điểm e khoản 2 Điều 16 xác định rõ phần hết hiệu lực và phần tiếp tục áp dụng của Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN, tránh phát sinh khoảng trống pháp lý; khi trình ban hành cần bảo đảm khoảng thời gian từ ngày ký đến ngày có hiệu lực phù hợp quy định và đủ để tuyên truyền, tập huấn cho địa phương, chủ rừng.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý dự thảo Tờ trình thống nhất với điểm e khoản 2 Điều 16, bảo đảm chính xác, không phát sinh khoảng trống pháp lý. Thời điểm có hiệu lực tại khoản 1 Điều 16 sẽ được xác định cụ thể khi trình ban hành, bảo đảm phù hợp Luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15) và đủ thời gian để địa phương, chủ rừng chuẩn bị các điều kiện tổ chức thực hiện.
Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp 1. Chương trình, dự án có áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo định mức đã được phê duyệt cho đến khi nghiệm thu, kết thúc chương trình, dự án, trừ trường hợp quy	Vụ Pháp chế	Đề nghị làm rõ ngoài chương trình, dự án còn đối tượng nào khác áp dụng quy định chuyển tiếp; cân nhắc viết gộp nội dung khoản 4 và khoản 1 Điều 17.	Tiếp thu. Đã bổ sung đối tượng "nhiệm vụ, kế hoạch" bên cạnh "chương trình, dự án" tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 17 và bỏ khoản 4 do nội dung đã được bao quát tại khoản 1.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 2. Trường hợp chương trình, dự án quy định tại khoản 1 Điều này phải điều chỉnh sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này. 3. Trường hợp dự toán của chương trình, dự án đã được phê duyệt theo khoản 1 Điều này thấp hơn so với dự toán xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này thì chủ chương trình, dự án được đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ			

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
sung định mức, dự toán theo quy định của pháp luật và trong khả năng cân đối nguồn kinh phí; việc điều chỉnh, bổ sung không làm gián đoạn việc thực hiện chương trình, dự án theo khoản 1 Điều này. 4. Đối với hồ sơ thiết kế, thẩm định thiết kế khai thác rừng và thực vật rừng ngoài gỗ đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo định mức tại văn bản đã chấp thuận.			
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị sửa khoản 3 Điều 17 theo hướng chỉ quy định nguyên tắc xử lý chuyển tiếp, dẫn chiếu thực hiện theo pháp luật có liên quan, tránh tạo cách hiểu Thông tư là căn cứ trực tiếp để yêu cầu điều chỉnh, bổ sung dự toán.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 3 Điều 17 quy định mang tính nguyên tắc và đã dẫn chiếu thực hiện theo quy định của pháp luật, trong khả năng cân đối nguồn kinh phí; không phải là căn cứ trực tiếp để yêu cầu điều chỉnh, bổ sung dự toán.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Tư pháp; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Hà Tĩnh, Nghệ An	Dự thảo thay thế 05 Thông tư và 03 Quyết định nên có thể phát sinh nhiều trường hợp cần chuyển tiếp. Đề nghị bổ sung đầy đủ các trường hợp tại Điều 17: chương trình, dự án, nhiệm vụ, kế hoạch, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Thông tư có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo hồ sơ, định mức đã phê duyệt; trường hợp phải điều chỉnh thì áp dụng định mức mới đối với phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung, tránh khoảng trống pháp lý.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý Điều 17 theo hướng bổ sung đối tượng "nhiệm vụ, kế hoạch" bên cạnh "chương trình, dự án"; quy định rõ chương trình, dự án, nhiệm vụ, kế hoạch đã được phê duyệt trước ngày Thông tư có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo định mức đã được phê duyệt cho đến khi nghiệm thu, kết thúc; trường hợp phải điều chỉnh sau ngày Thông tư có hiệu lực thi hành thì áp dụng định mức quy định tại Thông tư này đối với phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung.
Phụ lục I. Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp và một số biện pháp lâm sinh	Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình	Phần định mức một số biện pháp lâm sinh chưa quy định cách xác định chi phí 01 ngày công lao động (quy định "đơn giá ngày công được xác định theo các quy định hiện hành" còn chung chung), trong khi các Phụ lục khác đã quy định. Đề nghị bổ sung công thức, phương pháp xác định chi phí 01 ngày công tại Mục II Phần II Phụ lục I.	Tiếp thu. Đã bổ sung công thức, phương pháp xác định chi phí 01 ngày công lao động tại Mục II Phần II Phụ lục I, bảo đảm thống nhất với các Phụ lục II, III, IV, V, VI, VIII.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Hưng Yên, Điện Biên, Tây Ninh, Quảng Ninh	Về cây giống trồng dặm tại các Bảng 1, 2, 3 Mục I Phần II Phụ lục I: đề nghị ghi rõ tỷ lệ cây trồng dặm theo từng năm; điều chỉnh tỷ lệ năm thứ nhất từ 10% lên 15% để thống nhất với Báo cáo tổng kết, Tờ trình và quy định nghiệm thu tỷ lệ cây sống; làm rõ khối lượng 166 cây (10%) là tổng cả chu kỳ hay từng năm và cách phân bổ theo từng năm cho phù hợp với nhân công trồng dặm năm thứ nhất, thứ hai, thứ ba; bổ sung vật tư cây giống trồng dặm năm thứ hai, thứ ba tại Bảng 1 và vật tư cây trồng dặm tại Bảng 3.	Tiếp thu. Đã điều chỉnh, làm rõ tỷ lệ cây giống trồng dặm theo từng năm tại Bảng 1, Bảng 2 và bổ sung vật tư cây giống trồng dặm tại Bảng 3 Mục I Phần II Phụ lục I; khối lượng cây trồng dặm được xác định là tổng của cả chu kỳ và phân bổ theo từng năm tương ứng với nhân công trồng dặm.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên	Tại Bảng 5 Phần B "Trồng trên đất ngập mặn", mã hiệu TR.55 đến TR.58: đề nghị sửa "Vận chuyển cây giống tới địa điểm trồng, rải cây theo từng hố…" thành "Vận chuyển cây giống trong lô trồng và rải cây theo từng hố…".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung công việc tại các mã hiệu TR.55 đến TR.58 theo góp ý.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên	Dự thảo mới quy định định mức cuốc hố, lấp hố, trồng đối với hố 40×40×40 cm và bầu 13×18 cm. Đề nghị bổ sung định mức đối với bầu kích thước 18×22 cm và 22×25 cm.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức cuốc hố, lấp hố được xác định theo kích thước hố; trường hợp kích thước hố khác quy định tại Bảng 5 thì áp dụng hệ số điều chỉnh tương ứng khi lập thiết kế, dự toán. Ghi nhận đề nghị bổ sung định mức đối với các kích thước bầu khác để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Thanh Hóa, Tuyên Quang	Tại Bảng phân loại nhóm thực bì phát vỡ (điểm 3.2 khoản 3 Mục II Phần II Phụ lục I): Nhóm 1 chưa quy định tiêu chí chiều cao và tỷ lệ che phủ như Nhóm 2, Nhóm 3. Đề nghị bổ sung tiêu chí chiều cao và tỷ lệ che phủ tương ứng với từng khoảng chiều cao thực bì.	Tiếp thu. Đã bổ sung tiêu chí về chiều cao và tỷ lệ che phủ đối với Nhóm 1 và tương ứng với từng khoảng chiều cao thực bì tại Bảng phân loại nhóm thực bì phát vỡ.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa	Tại Bảng 1 Mục I Phần II Phụ lục I: đề nghị bổ sung định mức phát dọn thực bì theo băng, theo đám thủ công đối với hạng mục trồng rừng và chăm sóc rừng trồng các năm (hiện chỉ có định mức phát dọn thực bì toàn diện).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức phát dọn thực bì toàn diện là mức chuẩn; trường hợp phát dọn theo băng, theo đám thì khối lượng được xác định theo diện tích băng, đám thực tế nhân với định mức tương ứng khi lập thiết kế, dự toán, không phát sinh định mức riêng. Ghi nhận để rà soát khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Điện Biên, Hà Tĩnh, Khánh Hòa	Tại Bảng 5 Mục II Phần II Phụ lục I, công việc xới vun gốc đã có định mức riêng theo từng cấp đường kính (TR.31 - TR.36) nhưng Bảng quy định hệ số điều chỉnh vẫn quy định hệ số chuyển đổi đường kính xới chăm sóc (Kx1 = 1,00; Kx2 = 1,42; Kx3 = 2,19) đúng bằng tỷ lệ giữa các ô mức, dẫn đến tính trùng khi nhân hệ số. Đề nghị bỏ hệ số Kx và giữ các ô mức theo cấp đường kính để áp dụng trực tiếp, hoặc chỉ giữ một ô mức gốc và áp dụng hệ số Kx tương ứng.	Tiếp thu. Đã bỏ hệ số chuyển đổi đường kính xới chăm sóc (Kx) tại Bảng quy định hệ số điều chỉnh (từ 09 nhóm hệ số xuống còn 08 nhóm hệ số), giữ các ô mức xới vun gốc theo từng cấp đường kính tại Bảng 5 Mục II Phần II Phụ lục I để áp dụng trực tiếp, bảo đảm không tính trùng hao phí lao động.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh	Đề nghị bổ sung áp dụng hệ số chuyển đổi cự ly di chuyển, hệ số độ dốc (Kd) và hệ số nhóm thực bì phát vỡ đối với các công việc thực hiện ngoài thực địa: tỉa thưa, tỉa thân, tỉa cành, bài cây, phát dây leo và chặt dọn cây sâu bệnh, dọn và chặt gốc cây, vệ sinh rừng sau tỉa	Tiếp thu. Đã bổ sung việc áp dụng hệ số chuyển đổi cự ly di chuyển, hệ số độ dốc và hệ số nhóm thực bì phát vỡ đối với các nội dung công việc nêu trên tại Mục II Phần II Phụ lục I.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thưa (TR.43 - TR.49) và các công việc nuôi dưỡng rừng tự nhiên, làm giàu rừng tự nhiên.	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai	Đề nghị tham khảo Quyết định số 1206/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/4/2016 để hoàn thiện Phụ lục I; phân nhóm riêng định mức gieo ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng trên cạn và rừng ngập mặn do khác biệt về lập địa, phương thức thi công, cự ly vận chuyển, vật liệu và yêu cầu kỹ thuật.	Tiếp thu một phần. Dự thảo đã tách riêng định mức trồng rừng trên đất ngập mặn tại Bảng 2 Phần II Phụ lục I; đã rà soát, tham khảo các nội dung phù hợp của các quy trình kỹ thuật hiện hành để hoàn thiện Phụ lục I.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Tại Bảng 1 Phần I Phụ lục I: đề nghị bổ sung định mức chăm sóc, duy trì cây trội, cây mẹ hằng năm và cập nhật tiêu chuẩn cây trội theo TCVN 8755:2024; đồng thời rà soát lỗi chính tả, thống nhất cách thể hiện và số chữ số thập phân của các trị số định mức tại Phần I Phụ lục I.	Tiếp thu. Đã cập nhật tiêu chuẩn cây trội theo TCVN 8755:2024 và bổ sung định mức chăm sóc, duy trì cây trội, cây mẹ hằng năm tại Bảng 1 Phần I Phụ lục I; đã rà soát lỗi chính tả, thống nhất cách thể hiện số liệu định mức tại Phần I Phụ lục I.
	Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Khoa học và Công nghệ; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ định mức nhân công, vật tư còn thiếu tại các bảng thuộc Phụ lục I, gồm: VU.33 (bảo quản hom giống), VU.34 (xử lý cành ghép), VU.35 (bảo quản cành ghép), VU.05 (dựng cọc làm hàng rào bảo vệ), VU.94 (gieo hạt vào bầu, hạt đường kính ≥ 0,5 cm), VU.131, VU.132 (chăm sóc cây thân gỗ từ 6-12 tháng và trên 12 tháng tuổi), VT.33, VT.34 (hóa chất nuôi cấy mô, chất điều hòa sinh trưởng), VT.37 (xăng, dầu - đề nghị tách riêng), VT.49 (sào hái hạt), VT.50 (dụng cụ ghép), VT.63 (lưới che sáng); đồng thời phân loại rõ vật tư chính và vật tư phụ để thuận lợi trong tính toán hao phí.	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung định mức đối với các mã hiệu VU.33, VU.34, VU.35, VU.05, VU.94, VU.131, VU.132; bổ sung định mức xăng cho máy bơm (VT.41: 15 - 20 lít/1.000 cây; trường hợp sử dụng máy bơm động cơ điện thì áp dụng định mức điện tại VT.40, không phát sinh định mức dầu); bổ sung định mức và thống nhất đơn vị tính đối với lưới che sáng (VT.42 - VT.44, VT.63.1 - VT.63.3) với Bảng 3 Phần I; sắp xếp lại nhóm máy móc, thiết bị (VT.46 - VT.50) và phân loại vật tư chính, vật tư phụ. Đối với hóa chất nuôi cấy mô, chất điều hòa sinh trưởng, sào hái hạt, dụng cụ ghép: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đây là vật tư, công cụ rẻ tiền hoặc phụ thuộc hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây nên được tính trong khoản mục vật tư khác (mã hiệu VT.45) với tỷ lệ 5%.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Tại các bảng định mức của Phụ lục I chưa quy định hệ số lương làm cơ sở xác định đơn giá nhân công. Đề nghị bổ sung hệ số lương tại các bảng định mức tương ứng.	Tiếp thu. Đã bổ sung cấp bậc công việc và hệ số lương tương ứng tại các bảng định mức thuộc Phụ lục I làm cơ sở xác định đơn giá nhân công.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Tuyên Quang, Tây Ninh	Tại các Bảng 1, 2, 3 Mục I Phần II Phụ lục I và phần thuyết minh tại Mục II Phần II: tổng số nhân công và các tổng theo từng năm không khớp với các thành phần (Bảng 1: 299,55 + 36,75 = 336,30 nhưng ghi 335,40; các tổng theo năm chênh 0,01 - 0,02); số lượng nhóm hệ số điều chỉnh nêu tại thuyết minh chưa thống nhất với Bảng. Đề nghị rà soát, tính lại và công bố quy tắc làm tròn số.	Tiếp thu. Đã rà soát, tính lại toàn bộ số liệu tổng hợp nhân công theo từng năm và tổng cộng tại các Bảng 1, 2, 3 Mục I Phần II Phụ lục I; rà soát số lượng nhóm hệ số điều chỉnh bảo đảm thống nhất với phần thuyết minh tại Mục II Phần II và bổ sung quy tắc làm tròn số.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	Tại điểm 1.2 khoản 1 Mục II Phần II Phụ lục I: đề nghị sửa "Áp dụng với cự ly đi làm < 1,0 km" thành "Áp dụng với cự ly < 1,0 km" để thống nhất với các khoảng cự ly còn lại.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành "Áp dụng với cự ly < 1,0 km".
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tuyên Quang	Tại khoản 6 Mục II Phần II Phụ lục I (Bảng 4): quy định về cây trồng dặm "Năm đầu đối với cây sinh trưởng nhanh; trong 03 năm đầu đối với cây sinh trưởng chậm và rừng trồng ven biển" chưa thống nhất với Bảng 1 Mục I Phần II (chỉ quy định trồng dặm trong 02 năm đầu). Đề nghị rà soát, chỉnh sửa.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa quy định về số năm trồng dặm tại Bảng 4 bảo đảm thống nhất với Bảng 1 Mục I Phần II Phụ lục I.
	Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Tuyên Quang, Tây Ninh	Tại Bảng 5 Mục II Phần II Phụ lục I: định mức vận chuyển cây con và trồng đối với bầu trên 2,0 kg (TR.15: 30,30 công/1.000 cây) thấp hơn bầu từ 1,5 kg đến 2,0 kg (TR.14: 31,25 công/1.000 cây), không phù hợp xu hướng tăng hao phí lao động theo khối lượng bầu cây. Đề nghị rà soát, chỉnh sửa.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa định mức tại mã hiệu TR.15 bảo đảm phù hợp với xu hướng tăng hao phí lao động theo khối lượng bầu cây.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lai Châu	Tại Bảng 1 Mục II Phần I Phụ lục I: đề nghị chỉnh sửa lỗi kỹ thuật trình bày "bảo quảo" thành "bảo quản", "Cắt trữ, bảo quản hạt giống" thành "Cất trữ, bảo quản hạt giống".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật trình bày tại Bảng 1 Mục II Phần I Phụ lục I.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị bổ sung nguyên tắc áp dụng định mức đối với trường hợp quy trình kỹ thuật của từng loài cây hoặc từng vùng sinh thái khác với điều kiện chuẩn; quy định rõ việc áp dụng định mức trong lập dự toán, giao nhiệm	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Điều 4 dự thảo đã quy định nguyên tắc áp dụng định mức, trong đó có việc áp dụng hệ số điều chỉnh khi các yếu tố hình thành định mức thay đổi và việc áp dụng định mức của cơ quan

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vụ, đặt hàng và đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.	có thẩm quyền đối với công việc chưa được quy định. Việc áp dụng định mức trong lập dự toán, giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu thực hiện theo pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị cập nhật quy trình sản xuất giống phù hợp điều kiện hiện nay; điều chỉnh nội dung "khai thác đất bùn" theo hướng quy định chung là khai thác đất hoặc vật liệu làm giá thể; bổ sung quy định mở đối với vật liệu làm bầu, giá thể và vật liệu mới.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các mã hiệu VU.41, VU.42 Bảng 2 Phần I Phụ lục I đã quy định định mức khai thác, vận chuyển vật liệu đóng bầu; loại vật liệu làm ruột bầu, giá thể áp dụng theo hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây và theo khoản 3 Điều 4 dự thảo đối với vật liệu chưa có định mức.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị rà soát định mức khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng, chăm sóc rừng và trồng rừng theo hướng phản ánh đầy đủ điều kiện thi công thực tế; bổ sung hệ số điều chỉnh hoặc phân nhóm định mức theo địa hình, thực bì, cự ly tiếp cận và mức độ khó khăn của hiện trường.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát các định mức nêu trên; các yếu tố địa hình, thực bì, cự ly tiếp cận hiện trường đã được điều chỉnh thông qua hệ số điều chỉnh (K) quy định tại Mục II Phần II Phụ lục I. Đối với đề nghị phân nhóm định mức: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ số liệu khảo sát làm cơ sở; cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận để rà soát khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị rà soát bảo đảm thống nhất giữa quy trình kỹ thuật, đối tượng áp dụng, định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí nghiệm thu đối với các biện pháp lâm sinh, đặc biệt là khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung.	Tiếp thu. Đã rà soát bảo đảm thống nhất giữa quy trình kỹ thuật, đối tượng áp dụng, định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí nghiệm thu đối với các biện pháp lâm sinh.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị đổi tên Bảng 1 Mục I Phần II Phụ lục I thành "Định mức kinh tế - kỹ thuật trồng rừng trên cạn loài cây sinh trưởng nhanh" và bổ sung Bảng định mức đối với loài cây sinh trưởng chậm, thống nhất với dự thảo Thông tư quy định về các biện pháp lâm sinh.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Bảng 1 quy định định mức trồng rừng trên cạn áp dụng chung, các yếu tố khác biệt về loài cây, điều kiện lập địa được điều chỉnh thông qua hệ số điều chỉnh (K) tại Mục II Phần II; việc xây dựng bảng định mức riêng đối với loài cây sinh trưởng chậm chưa đủ cơ sở số liệu khảo sát. Ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Tại khoản 5 Mục II Phần II Phụ lục I: đề nghị quy định rõ lao động gián tiếp là công việc của chủ đầu tư, đơn vị	Tiếp thu. Đã làm rõ lao động gián tiếp là lao động quản lý, giám sát, chỉ đạo kỹ thuật, nghiệm thu của đơn vị

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thi công hay đơn vị giám sát và tỷ lệ tương ứng của từng đơn vị; làm rõ chi phí lao động gián tiếp có bao gồm chi phí gián tiếp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP hay không.	thực hiện; không bao gồm chi phí quản lý của chủ đầu tư và không trùng với chi phí gián tiếp quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 42/2026/NĐ-CP).
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Tại Bảng 3 Mục I Phần II Phụ lục I: đề nghị bổ sung số lần chăm sóc 02 lần/năm trong 03 năm đầu, 01 lần/năm từ năm thứ tư, thời gian chăm sóc không quá 06 năm, phù hợp với quy định về biện pháp lâm sinh hiện hành.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa Bảng 3 Mục I Phần II Phụ lục I bảo đảm thống nhất với quy định về số lần và thời gian chăm sóc rừng trồng tại pháp luật về biện pháp lâm sinh.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Tại Bảng 4 mục 6 Mục II Phần II Phụ lục I: đề nghị bổ sung định mức chế phẩm sinh học phục vụ làm giảm vật liệu cháy rừng (không áp dụng theo từng loài cây) và bổ sung hạt tích nước (polymer giữ ẩm) vào hạng mục vật tư đối với vùng đất khô hạn, cát nóng, lượng mưa thấp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung đề nghị bổ sung chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	Đề nghị tham mưu ban hành quy trình kỹ thuật và bảng định mức riêng cho biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên (công lao động trực tiếp phát dọn, bảo vệ, định mức gián tiếp và thời gian thực hiện 3 - 6 năm).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: quy trình kỹ thuật khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên được quy định tại văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về các biện pháp lâm sinh; dự thảo đã quy định định mức đối với biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung tại Bảng 3 Phần II Phụ lục I. Ghi nhận đề nghị xây dựng bảng định mức riêng để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Tại Bảng 1 Phần II Phụ lục I (lao động gián tiếp năm thứ hai, năm thứ ba) và Bảng 3 Phần II Phụ lục I (lao động gián tiếp năm thứ nhất): giá trị tại cột định mức chưa đồng nhất với mức 10% nhân công trực tiếp. Đề nghị kiểm tra, chỉnh sửa.	Tiếp thu. Đã kiểm tra, tính lại định mức lao động gián tiếp tại Bảng 1 và Bảng 3 Phần II Phụ lục I.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Tại Bảng 3 Phần II Phụ lục I: hạng mục vật tư cây giống chỉ có cây trồng bổ sung (200 cây/ha), không có vật tư cây trồng dặm, chưa thống nhất với quy định về biện pháp lâm sinh cho phép trồng dặm cây bị chết. Đề nghị bổ sung.	Tiếp thu. Đã bổ sung vật tư cây giống trồng dặm tại Bảng 3 Phần II Phụ lục I bảo đảm thống nhất với quy định hiện hành về biện pháp lâm sinh.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Tại Bảng 3 Phần II Phụ lục I: nhân công trực tiếp từ năm thứ tư đến năm thứ sáu chỉ có hạng mục bảo vệ rừng, không có hạng mục chăm sóc rừng, chưa phù hợp quy định các năm sau 03 năm đầu chăm sóc ít nhất 01 lần. Đề nghị bổ sung.	Tiếp thu. Đã bổ sung hạng mục chăm sóc rừng từ năm thứ tư đến năm thứ sáu tại Bảng 3 Phần II Phụ lục I.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 Phần I Phụ lục I: thiếu định mức thu hái trụ mầm.	Tiếp thu. Đã bổ sung định mức thu hái trụ mầm tại Bảng 1 Phần I Phụ lục I.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các khoảng phân loại tại Phụ lục I bị giao nhau hoặc bỏ trống tại điểm biên: phân loại hạt giống theo đường kính và khối lượng 1.000 hạt (đúng 20 g, đúng 100 g); tỷ lệ nảy mầm (đúng 80%); phân loại đất ngập mặn theo độ lún (đúng 15 cm); tỷ lệ cát lẫn (đúng 70%); đường kính với chăm sóc (đúng 0,8 m và 1,0 m). Đề nghị quy định lại theo các khoảng liên tục, không giao nhau, không bỏ trống; đồng thời quy định tiêu chí ưu tiên khi đường kính và khối lượng 1.000 hạt thuộc hai nhóm khác nhau.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa toàn bộ các khoảng giá trị nêu trên bảo đảm liên tục, không giao nhau, không bỏ trống tại điểm biên và bổ sung nguyên tắc ưu tiên tiêu chí áp dụng đối với phân loại hạt giống.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các mã hiệu VU.19 - VU.22 và VU.27 (3,20 - 10,76 kg/công, khoảng biến động hơn 3 lần) quy định định mức dạng khoảng nhưng không có tiêu chí lựa chọn giá trị. Đề nghị bổ sung tiêu chí xác định (loại quả, độ khó tách vỏ, độ ẩm, phương pháp chế biến, kích thước hạt) hoặc chia thành các ô mức cụ thể.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hao phí lao động thu hái hom giống và chế biến hạt phụ thuộc đặc điểm sinh học, loại quả, phương pháp chế biến và hướng dẫn kỹ thuật của từng loài cây; giá trị cụ thể trong khoảng được xác định theo hướng dẫn kỹ thuật của loài cây và điều kiện thực tế khi lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị làm rõ cách xác định khối lượng và cơ sở áp dụng một số định mức tại Phụ lục I: mã hiệu VU.25 quy định "Cây cao trên 5 m, thêm 5 m tăng 25%" chưa rõ, đề nghị thể hiện thành công thức hoặc bảng bậc chiều cao; mã hiệu VU.29 quy định 0,5 kg/công nhưng yêu cầu kiểm tra 1 - 3 lần/năm, đề nghị ghi rõ định mức tính cho mỗi lần kiểm tra hay cho cả năm và số lần kiểm tra; Bảng 4 Phần I quy định tỷ lệ cấy dặm 20 - 30% nhưng không xác định ô mức tương ứng với tỷ lệ nào, đề nghị	Tiếp thu. Đã chỉnh lý quy định về hệ số chiều cao cây tại mã hiệu VU.25 theo bảng bậc chiều cao; làm rõ định mức tại mã hiệu VU.29 được tính cho 01 lần kiểm tra và quy định số lần kiểm tra trong năm; quy định rõ tỷ lệ cấy dặm làm cơ sở xây dựng ô mức và cách quy đổi theo tỷ lệ thực tế tại Bảng 4 Phần I Phụ lục I.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quy định tỷ lệ làm cơ sở xây dựng ô mức và cách quy đổi theo tỷ lệ thực tế.	
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 2 Phần I Phụ lục I: ba trường hợp làm giàn che chưa được phân định rõ; đề nghị làm rõ trường hợp 1 (khai thác vật liệu và làm giàn) khác trường hợp 2 (làm giàn bằng vật liệu tự nhiên có sẵn) ở điểm nào.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Mục III Bảng 2 Phần I Phụ lục I đã phân định rõ ba trường hợp theo nguồn vật liệu và biện pháp thi công: khai thác vật liệu và làm giàn che (bao gồm cả hao phí khai thác, vận chuyển vật liệu tại chỗ); làm giàn che bằng vật liệu tự nhiên có sẵn (không tính hao phí khai thác vật liệu); làm giàn che bằng lưới che sáng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các lỗi về tên công việc, đơn vị tính, yêu cầu kỹ thuật và trị số định mức tại Phụ lục I: VU.07 (đơn vị ghi "cọc", không phải "cọc/công"); VU.10 (tên "Lắp đặt hệ thống tưới" nhưng yêu cầu kỹ thuật là lắp đặt hệ thống điện); VU.71 (định mức máy bất thường, đúng bằng VU.65); VU.89 ("San nền, lên luống" dùng đơn vị 1.000 cây/công, phạm vi công việc chưa khớp tên); VT.35 ("Nước không bị ô nhiễm, chứa vi sinh vật có hại"); TR.60 (tên "Lấp hố trồng cây" nhưng yêu cầu bao gồm cả trồng cây).	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa tên công việc, đơn vị tính, yêu cầu kỹ thuật và trị số định mức tại các mã hiệu VU.07, VU.10, VU.71, VU.89, VT.35, TR.60 bảo đảm chính xác, thống nhất (VT.35 sửa thành "Nước không bị ô nhiễm, không chứa vi sinh vật có hại").
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Hệ thống mã hiệu vật tư bị trùng trong cùng Phần I Phụ lục I: VT.10 - VT.12 dùng cho cả nhóm hàng rào, giàn che và nhóm hệ thống tưới; VT.17 - VT.19 dùng cho cả Bảng 3 (khởi thủy, bộ lọc, vật tư hệ thống tưới) và Bảng 5 (hạt giống). Đề nghị đánh mã duy nhất, liên tục.	Tiếp thu. Đã đánh lại hệ thống mã hiệu vật tư liên tục, duy nhất, không trùng lặp trong toàn Phần I Phụ lục I.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 3 Phần I Phụ lục I: vật tư hàng rào ghi 396 m^2 lưới trong khi diện tích hình học khoảng 360 m^2, có thể đã gồm 10% hao hụt nhưng chưa thuyết minh. Đề nghị ghi rõ tỷ lệ hao hụt.	Tiếp thu. Đã bổ sung thuyết minh về tỷ lệ hao hụt vật tư tại Bảng 3 Phần I Phụ lục I.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 6 Phần I Phụ lục I: định mức đảo bầu, cắt rễ tại VU.137, VU.138 có dãy số bất thường (giảm từ 12 xuống 6,2 rồi đột ngột tăng lên 51,00). Đề nghị rà soát.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa định mức tại các mã hiệu VU.137, VU.138.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng phân loại đất trồng rừng Phần II Phụ lục I: thiếu trường hợp đất cát, cát pha có tầng đất dưới 40 cm.	Tiếp thu. Đã bổ sung trường hợp đất cát, cát pha có tầng đất dưới 40 cm tại Bảng phân loại đất trồng rừng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 4 Phần II Phụ lục I: mã hiệu VT.17 "Vật tư khác = 5%" chưa rõ tính trên giá trị vật tư chính hay chi phí nhân công.	Tiếp thu. Đã làm rõ tỷ lệ vật tư khác tại mã hiệu VT.17 được tính trên chi phí các vật tư chính của công việc tương ứng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau	Tại Bảng 4 mục 6 Phần II Phụ lục I: thống nhất bổ sung mã TB.8 (máy ủi 110 CV), TB.9 (máy cạp 9 m^3) với thông số líp cơ sở rộng 3 m, cao 0,4 m, khoảng cách 2 m. Đề nghị quy định phương pháp hoặc hệ số điều chỉnh khi thông số líp theo thiết kế khác thông số cơ sở (thực tế líp rộng 7 - 10 m, cao 0,30 - 0,80 m, khoảng cách 4 - 5 m); bổ sung định mức đào mới mương, sên vét, cải tạo mương, ban gạt thực bì, chỉnh sửa, gia cố mặt líp.	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung thuyết minh làm rõ: định mức tại TB.8, TB.9 được xây dựng theo thông số líp cơ sở; trường hợp thông số líp theo thiết kế được phê duyệt khác thông số cơ sở thì khối lượng thi công được xác định theo thiết kế, dự toán được phê duyệt để áp dụng định mức tương ứng. Đối với đề nghị bổ sung định mức đào mới mương, sên vét, cải tạo mương, ban gạt thực bì, chỉnh sửa, gia cố mặt líp: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ cơ sở khảo sát; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo và ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau	Tại điểm b khoản 2 Điều 6 và mục 2 "Phân loại đất trồng rừng" Mục II Phần II Phụ lục I: dự thảo mới phân loại nhóm đất khác và nhóm đất ngập mặn, chưa có nhóm đất ngập phèn (vùng U Minh Hạ trồng rừng Tràm trên đất ngập phèn phải xử lý nền, hệ thống mương - líp, điều tiết nước). Đề nghị bổ sung nhóm đất ngập phèn hoặc hệ số điều chỉnh phù hợp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ số liệu khảo sát về hao phí lao động, máy thi công đối với nhóm đất ngập phèn làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt, khối lượng công việc xử lý nền, hệ thống mương - líp trên đất ngập phèn được xác định theo thiết kế, dự toán được phê duyệt và áp dụng định mức máy thi công tại Bảng 4 Mục II Phần II Phụ lục I; công việc chưa có định mức thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Trong định mức trồng rừng trên đất ngập mặn có công việc trồng tràm rễ trần - đối tượng áp dụng trên đất ngập nước ngọt. Đề nghị đổi tên thành "Trồng rừng trên đất ngập".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tên nhóm công việc thành "Trồng rừng trên đất ngập" tại Phần II Phụ lục I để bao quát cả đất ngập mặn và đất ngập nước ngọt.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Các trị số định mức lao động để lẻ (79,18 công/ha; 25,94 công; 7,28 công…) gây khó khăn khi lập dự toán. Đề nghị làm tròn các trị số định mức.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: trị số định mức được xác định trên cơ sở tổng hợp hao phí của từng bước công việc theo kết quả khảo sát, tính toán; việc làm tròn có thể làm sai lệch hao phí và giá trị dự toán. Việc làm tròn số được thực hiện ở bước lập dự toán theo pháp luật về ngân sách nhà nước.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Tại Mục III Phần I Phụ lục I: quy định "được chia thành 3 cấp" nhưng thực tế liệt kê 04 cấp cự ly. Đề nghị sửa thành "được chia thành 04 cấp".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa thành "được chia thành 04 cấp" tại Mục III Phần I Phụ lục I.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long	Tại Bảng 2 Phần II Phụ lục I: đề nghị bổ sung cây cọc cắm tương ứng với tỷ lệ cây trồng dặm hằng năm theo từng loài cây, do cọc cắm đỡ cây thường gãy hỏng sau một thời gian sử dụng.	Tiếp thu. Đã bổ sung định mức cọc cắm (cọc chống) tương ứng với tỷ lệ cây trồng dặm theo từng năm tại Bảng 2 Phần II Phụ lục I.
Phụ lục II. Định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình	Đề nghị bổ sung tại mục 3b Phần I chi phí quản lý dự án (T2) với công thức T2 ≤ (T1) x 7% để đồng bộ với định mức kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Mục 3 Phần I Phụ lục II đã quy định chi phí quản lý của chủ đầu tư (T2) không quá 7% chi phí thực hiện nhiệm vụ (T1) kèm công thức T2 ≤ (T1) x 7%, bảo đảm thống nhất với Phụ lục III và Phụ lục IV.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên	Tại Mục C "Đánh giá về giảm phát thải khí nhà kính từ rừng và đất lâm nghiệp": đề nghị bổ sung định mức cho các loại tỷ lệ bản đồ nền khác ngoài tỷ lệ 1/250.000 và bổ sung định mức các hạng mục đối với đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại Mục C được xây dựng phục vụ đánh giá giảm phát thải khí nhà kính ở quy mô vùng, toàn quốc với tỷ lệ bản đồ nền tương ứng; các tỷ lệ bản đồ và hạng mục theo đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức, trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La	Chi phí máy móc, thiết bị (P9) được khống chế tối đa 5% tổng chi phí công lao động, chưa phù hợp trong bối cảnh tăng cường ứng dụng thiết bị bay không người lái, máy định vị GPS độ chính xác cao, ảnh viễn thám và công cụ xử lý dữ liệu GIS. Đề nghị nâng tỷ lệ P9 lên	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tỷ lệ chi phí máy móc, thiết bị, vật tư tối đa 5% giá trị nhân công được kế thừa từ các Thông tư hiện hành và kết quả khảo sát thực tế, không làm tăng chi ngân sách nhà nước (khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		10% - 15% hoặc giao cơ quan phê duyệt dự toán quyết định mức phù hợp với từng nhiệm vụ.	89/2025/QH15); cơ sở xác định đã thuyết minh tại hồ sơ dự thảo.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Về định mức chụp ảnh hiện trạng rừng bằng thiết bị bay không người lái tại Phụ lục II: đề nghị bổ sung yêu cầu kỹ thuật tối thiểu của thiết bị và độ phân giải ảnh tương xứng với mức nhân công 3 công/100 ha; bổ sung định mức vận hành, thời gian bay, xử lý ảnh và tích hợp dữ liệu vào GIS (kể cả phần nội nghiệp tại bảng chuyên đề 2), bảo đảm thống nhất với nội dung đã nêu tại Tờ trình.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: dự thảo đã bỏ định mức chụp ảnh và xử lý ảnh chụp từ thiết bị bay không người lái tại Phụ lục II do chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; dự thảo Tờ trình đã được chỉnh lý thống nhất với nội dung Phụ lục. Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị và sản phẩm ảnh thực hiện theo quy định kỹ thuật về điều tra rừng; công việc chưa có định mức thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Định mức tại Phụ lục II vẫn dựa chủ yếu vào công đo đếm thủ công và GPS cầm tay; đề nghị bổ sung định mức cho các công nghệ mới như Mobile GIS, đồng bộ dữ liệu trực tuyến, máy đo laser, Lidar mặt đất và bổ sung nhóm công việc "Kiểm tra, chuẩn hóa, đối khớp và tích hợp cơ sở dữ liệu điều tra hiện trạng rừng" tại Bảng 01 Phần III.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung đề nghị bổ sung chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đối với P3 và P6 tại Mục 3 Phần I Phụ lục II: đề nghị làm rõ nội dung, phạm vi công việc kiểm tra, bảo đảm và kiểm soát chất lượng (QA/QC), trong đó quy định rõ đối tượng, nội dung, tỷ lệ và phương pháp kiểm tra đối với thực địa, bản đồ, dữ liệu GIS, dữ liệu thuộc tính và cơ sở dữ liệu.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Mục 3 Phần I Phụ lục II đã xác định rõ nội dung và tỷ lệ tối đa của chi phí kiểm tra, nghiệm thu thực địa (P3) và nội nghiệp (P6) làm cơ sở lập dự toán; đối tượng, nội dung, phương pháp kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm thực hiện theo quy định kỹ thuật chuyên ngành về điều tra rừng và pháp luật về nghiệm thu, thanh quyết toán.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Phần định mức cho hoạt động REDD+/MRV/FREL chưa rõ nguồn kinh phí và đối tượng bắt buộc áp dụng (chỉ khuyến khích hay bắt buộc khi thực hiện dự án REDD+).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đối tượng áp dụng thực hiện theo Điều 2 dự thảo Thông tư; hoạt động sử dụng ngân sách nhà nước hoặc nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thì áp dụng bắt buộc, các nguồn kinh phí khác được khuyến khích áp dụng. Nguồn kinh phí thực hiện theo pháp luật

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			có liên quan, trong đó có Nghị định số 180/2026/NĐ-CP.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Tại mục C Phần IV Phụ lục II: định mức REDD+/MRV/FREL cần đồng bộ với Nghị định số 180/2026/NĐ-CP và làm rõ sản phẩm, chu kỳ MRV, tiêu chuẩn thẩm tra, nguồn vốn, quyền sử dụng dữ liệu, tránh trùng lặp, chồng chéo với các quy định khác.	Tiếp thu một phần. Đã thống nhất cách giải nghĩa thuật ngữ MRV tại Mục C Phụ lục II. Đối với các nội dung về sản phẩm, chu kỳ MRV, tiêu chuẩn thẩm tra, nguồn vốn và quyền sử dụng dữ liệu: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung này thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 180/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn, không quy định lại tại Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 Phụ lục II: hệ thống số thứ tự bị khuyết nhiều mã (60 → 62; 72 → 74; 143 → 146). Đề nghị đánh lại liên tục hoặc đổi tên cột nếu đây là mã kế thừa từ bộ định mức cũ.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, đánh lại số thứ tự các mã định mức tại Bảng 1 Phụ lục II (các mã từ 144 đến 153) và các bảng chuyên đề tương ứng, bảo đảm liên tục, thống nhất.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 Phụ lục II: mục 72 vừa là một mức độc lập (5,0 công) vừa có các tiểu mục 72.1 - 72.7 theo quy mô diện tích, dễ gây cộng dư định mức. Đề nghị xóa đơn vị tính và định mức của dòng 72 nếu là tiêu đề nhóm, hoặc đổi tên để phân biệt rõ.	Tiếp thu. Đã chỉnh lý cấu trúc mục 72 Bảng 1 Phụ lục II, phân biệt rõ tiêu đề nhóm và các mục công việc cụ thể, bảo đảm không tính trùng định mức.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 và bảng chuyên đề 1 Phụ lục II: mục 29 có hai phương pháp chênh lệch định mức 35 lần (29.1 khoanh lô dốc đối diện 0,02 công/ha; 29.2 khoanh lô trên tuyến 0,7 công/ha) nhưng bảng chuyên đề chỉ tham chiếu mã "29" và không có điều kiện kỹ thuật lựa chọn. Đề nghị quy định rõ điều kiện áp dụng từng phương pháp và cách xác định khối lượng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Bảng 1 Phụ lục II đã quy định định mức riêng cho từng phương pháp khoanh vẽ (29.1, 29.2); việc lựa chọn phương pháp căn cứ điều kiện địa hình, khả năng quan sát thực địa và được xác định trong đề cương, thiết kế kỹ thuật - dự toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở xác định khối lượng khi lập dự toán.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị bổ sung nguyên tắc chọn kích thước ô tiêu chuẩn theo loại rừng và phương pháp điều tra (bảng tra: loại rừng → phương pháp điều tra → diện tích ô tiêu chuẩn → mã định mức) để tránh tự chọn cỡ ô có lợi về kinh phí.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: kích thước, số lượng ô tiêu chuẩn theo từng loại rừng và phương pháp điều tra thực hiện theo quy định kỹ thuật về điều tra rừng của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bảng 1 Phụ lục II quy định định mức tương ứng với từng loại ô

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			tiêu chuẩn để áp dụng theo phương án điều tra được phê duyệt.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 và bảng chuyên đề 2 Phụ lục II: điều tra ngoại nghiệp có ô tiêu chuẩn rừng ngập nước (mục 38) và rừng hỗn giao gỗ - tre nứa (mục 40) nhưng phần nội nghiệp chỉ có mã 105 - 107 cho rừng gỗ tự nhiên, rừng gỗ trồng, rừng tre nứa. Đề nghị rà soát, bổ sung mã tính toán nội nghiệp tương ứng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: công tác nội nghiệp đối với ô tiêu chuẩn rừng ngập nước và rừng hỗn giao gỗ - tre nứa được áp dụng theo các mã định mức tương ứng tại Bảng 1 Phụ lục II (mã 105, 107 và mã 108 tính toán số liệu trên ô tiêu chuẩn, điểm điều tra).
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Nhiều định mức dùng đơn vị công/mảnh bản đồ. Đề nghị định nghĩa "mảnh" một lần cho toàn Phụ lục theo tỷ lệ, khung mảnh, kích thước, hệ tọa độ, bản số hay bản in.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: "mảnh" bản đồ được xác định theo quy định kỹ thuật về thành lập bản đồ hiện trạng rừng và pháp luật về đo đạc, bản đồ (tỷ lệ, khung mảnh, hệ tọa độ VN-2000), không quy định lại tại Phụ lục định mức.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 88.1 Bảng 1 Phụ lục II: định mức tổ chức họp thôn, họp nhóm 28 công/cuộc cần giải thích thành phần (số cán bộ tham gia, thời gian chuẩn bị, tổ chức, tổng hợp biên bản; có bao gồm người dân tham gia hay không).	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: mục 88.1 đã quy định đơn vị tính là "cuộc họp"; định mức 28,0 công là hao phí lao động của lực lượng kỹ thuật để chuẩn bị, tổ chức và tổng hợp kết quả 01 cuộc họp, không bao gồm chế độ, chi phí đối với người tham dự (thực hiện theo chế độ chi hội nghị hiện hành).
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 3 (Điều tra cấu trúc rừng): nhiều nội dung điều tra kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở chế biến, mô hình nông lâm kết hợp cần cân nhắc mức độ phù hợp khi để tại bảng này.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung điều tra điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật là thông tin đầu vào cần thiết để phân tích, đánh giá cấu trúc rừng; việc dẫn chiếu các mã định mức này nhằm bảo đảm đủ căn cứ lập dự toán, không làm phát sinh hạng mục công việc mới.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 4 (Điều tra tăng trưởng rừng): đề nghị bổ sung định mức tính toán số liệu cây giải tích.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung tính toán số liệu cây giải tích đã được thực hiện trong thành phần công việc tính toán số liệu điều tra tăng trưởng rừng tại Bảng 1 Phụ lục II; việc xây dựng định mức riêng chưa có số liệu khảo sát làm cơ sở. Ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 6 (Điều tra lâm sản ngoài gỗ): đề nghị tham chiếu thẳng mã 28.5 Bảng 01 cho bước mở tuyến điều tra, mô tả đoạn, thu thập số liệu trên tuyến; bổ sung mã nội nghiệp 104 "Tính toán số liệu điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến".	Tiếp thu. Đã chỉnh lý dẫn chiếu tại bảng chuyên đề 6 và bổ sung mã định mức nội nghiệp tương ứng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 9 (Điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng): đề nghị rà soát bước tính toán số liệu điều tra đặc điểm lâm học, cấu trúc, tăng trưởng rừng trên tuyến sử dụng mã 100 hay mã 99 của Bảng 01.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh lý mã định mức được dẫn chiếu tại bảng chuyên đề 9.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 10 (Điều tra thực vật rừng): bước di chuyển trong quá trình điều tra và bước điều tra, thu thập số liệu dân sinh, kinh tế - xã hội cấp tỉnh đang tham chiếu sai mã (theo Bảng 01 là mã 22 và mã 62).	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa các mã định mức được dẫn chiếu tại bảng chuyên đề 10.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng chuyên đề 13 (Điều tra sinh khối và trữ lượng các-bon rừng): đề nghị liệt kê chính thức phạm vi các "bể các-bon" được quy định định mức; mục 118 dẫn thẳng đến 118.6 khi lập biểu sinh khối, các-bon.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: phạm vi các bể các-bon đã được thể hiện qua các hạng mục công việc cụ thể tại bảng chuyên đề 13 (cây gỗ; cây tái sinh; cây bụi; dây leo; thảm tươi, thảm mục; gỗ chết, gốc chặt) và các mã định mức tương ứng tại Bảng 1 Phụ lục II.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng A Phụ lục II (điều tra, đánh giá trữ lượng rừng theo chu kỳ): đề nghị làm rõ khái niệm "chùm ô"; đồng thời định mức chuyển quân, rút quân dùng đơn vị tính "người" (đến 200 km: 2 công; trên 200 km: 4 công) cần ghi rõ tính cho cả lượt đi và về hay cho một chiều, tránh hiểu là hai lần.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung công việc tại Bảng A đã mô tả chùm ô là tập hợp các ô định vị được bố trí theo hệ thống điểm điều tra, có mốc tâm chùm ô và mốc tâm các ô định vị, thực hiện theo quy định kỹ thuật về điều tra, đánh giá tài nguyên rừng; định mức chuyển quân, rút quân được xác định cho 01 người và tính chung cho cả lượt đi và lượt về của một đợt thực địa.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng B Phụ lục II (điều tra, đánh giá hệ sinh thái rừng): đánh số 6.1 và 6.2 bị lệch giữa phần mô tả nội dung và bảng định mức (làm và chôn mốc ô định vị; xác lập ranh giới ô định vị); định mức lập trắc đồ ngang, trắc đồ dọc có dấu hiệu đảo so với Bảng 01 (Bảng B: dọc 6	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa bảo đảm thống nhất giữa phần mô tả nội dung công việc và bảng định mức tại các mục 6.1, 6.2 và rà soát định mức lập trắc đồ ngang, trắc đồ dọc bảo đảm thống nhất giữa Bảng B và Bảng 1 Phụ lục II.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công, ngang 3 công; Bảng 01: ngang 6 công, dọc 3 công). Đề nghị rà soát, chỉnh sửa.	
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Bảng C: thuật ngữ MRV được giải nghĩa không thống nhất (danh mục viết tắt ghi "hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định"; Phần C ghi "đo đạc, kiểm chứng và báo cáo"). Đề nghị thống nhất một cách giải nghĩa trong toàn Phụ lục.	Tiếp thu. Đã thống nhất cách giải nghĩa thuật ngữ MRV là "hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định" trong toàn Phụ lục II.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Tại Phần thuyết minh chung Phụ lục II: đề nghị sửa hệ số P9 thành "chi phí mua sắm hoặc khấu hao máy móc, thiết bị trong công tác điều tra rừng" nhằm làm rõ căn cứ xác định chi phí và khuyến khích sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có; sửa hệ số P11 thành "chi phí công tác phí và các chi phí khác", bỏ cụm từ "nếu có".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung giải thích các hệ số P9, P11 tại Phần thuyết minh chung Phụ lục II theo góp ý. Việc mua sắm hoặc trích khấu hao máy móc, thiết bị thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Ghi chú [13], [14] Phụ lục II quy định "nhân lực thực hiện được hưởng theo hệ số lương cụ thể của công việc đó" dẫn đến 02 cách hiểu trái ngược khi thanh quyết toán, kiểm toán. Đề nghị bổ sung "không phụ thuộc vào hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng của cá nhân đó".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa ghi chú về hệ số lương tại Phụ lục II theo hướng làm rõ: hệ số lương áp dụng để xác định chi phí nhân công là hệ số lương của công việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không phụ thuộc vào hệ số lương ngạch, bậc hiện hưởng của cá nhân trực tiếp thực hiện.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Các bước "Tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin cho từng lô" (0,0075 công/lô) và "Tính toán diện tích các lô rừng, đất chưa có rừng" (0,001 công/lô) được tính cào bằng theo lô cho toàn bộ diện tích, trong khi phần mềm GIS thực hiện đồng loạt và điều tra rừng luôn kế thừa dữ liệu kỳ trước (trên 50% số lô ổn định). Đề nghị chuyển đơn vị tính sang trọn gói theo mảnh bản đồ hoặc cấp xã; phân biệt trường hợp xây dựng bản đồ lần đầu (0,0075 công/lô) và kế thừa bản đồ đã có (0,004 công/lô).	Tiếp thu một phần. Đã chỉnh lý định mức bước tạo bảng thuộc tính và nhập thông tin theo hướng phân biệt trường hợp xây dựng bản đồ lần đầu và trường hợp kế thừa bản đồ đã có; đã điều chỉnh định mức bước tính toán diện tích lô rừng, đất chưa có rừng phù hợp với mức độ tự động hóa của phần mềm chuyên ngành. Đối với đề nghị thay đổi đơn vị tính từ "lô" sang "mảnh bản đồ" hoặc "xã": đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có số liệu khảo sát làm cơ sở; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Bước "Phân chia và đánh số lô trên bản đồ hiện trạng rừng" (0,01 công/lô): thực tế chỉ phân chia ranh giới tại điểm có biến động, việc đánh số được phần mềm xử lý	Tiếp thu một phần. Đã chỉnh sửa tên bước công việc và bổ sung thuyết minh làm rõ khối lượng tính định mức là số lô có biến động ranh giới, được xác định trên cơ sở

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tự động. Đề nghị đổi tên thành "Biên tập, chỉnh sửa ranh giới và đánh số lô biến động" và chỉ tính trên số lô có biến động ranh giới thực tế.	kết quả giải đoán ảnh viễn thám hoặc hồ sơ điều tra thực địa.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Về công tác sử dụng thiết bị bay không người lái tại Phụ lục II: định mức bay dạng vùng 100 ha/công là quá cao đối với địa hình rừng núi phức tạp, đề nghị giảm còn khoảng 50 - 60 ha/công và quy định định mức bay ngoại nghiệp theo tỷ lệ bản đồ mục tiêu; tách riêng nhóm công việc xử lý ảnh tự động bằng máy tính, phần mềm với nhóm công việc giải đoán, số hóa do kỹ sư thực hiện; bổ sung định mức nhân công lập hồ sơ, thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép bay và bước "Bố trí, đo tọa độ điểm khống chế mặt đất (GCP) bằng thiết bị RTK/GNSS".	Tiếp thu một phần. Đã tách và mô tả rõ nhóm công việc xử lý ảnh tự động bằng máy tính, phần mềm và nhóm công việc giải đoán, số hóa, tổng hợp chỉ tiêu do kỹ sư thực hiện; bổ sung các bước chuẩn bị hồ sơ, thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép bay và bố trí, đo tọa độ điểm khống chế mặt đất phục vụ xử lý ảnh, kiểm tra độ chính xác sản phẩm. Đối với đề nghị phân định mức bay ngoại nghiệp theo tỷ lệ bản đồ: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ số liệu khảo sát làm cơ sở, được ghi nhận để nghiên cứu, bổ sung.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Tại dòng 20 Bảng 01 Phụ lục II: một định mức chung cho nhiều loại đường, tuyến có mục đích và yêu cầu kỹ thuật khác nhau chưa phản ánh đầy đủ hao phí lao động. Đề nghị tách thành các tiểu mục 20.1 (đường lô, khoảnh, tiểu khu - 0,5 công/km), 20.2 (ranh giới chủ quản lý rừng, ranh giới ba loại rừng, tuyến điều tra, tuần tra - 1,0 công/km), 20.3 (đường ranh cản lửa, vận xuất, viền lòng hồ - 1,5 công/km).	Tiếp thu một phần. Đã tách và mô tả rõ các nhóm công việc đo đạc đường ranh giới tại Bảng 1 Phụ lục II theo tính chất, yêu cầu kỹ thuật của từng loại đường. Trị số định mức cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát, tính toán của cơ quan chủ trì soạn thảo.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Tại mục B Phần IV Phụ lục II: chưa có nội dung và định mức phân tích, viết báo cáo đánh giá giám sát sinh thái rừng. Đề nghị bổ sung mục 25 (25.1 phân tích số liệu: lần đầu 140 công, lặp lại 150 công; 25.2 viết báo cáo: lần đầu 60 công, lặp lại 66 công).	Tiếp thu. Đã bổ sung nội dung công việc và định mức phân tích số liệu, viết báo cáo đánh giá giám sát sinh thái rừng tại mục B Phần IV Phụ lục II.
Phụ lục III. Định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng	Cục Quản lý đất đai	Tại mục 2 Phần I Phụ lục III: đề nghị sửa chỉ tiêu K2 thành "bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung chỉ tiêu K2 tại Mục 2 Phần I Phụ lục III theo góp ý.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Vụ Khoa học	Định mức kiểm kê rừng (TT 12.1 Mục II Phần II và mục 4.2 Phần B Phụ lục III) chỉ xác định theo diện tích, chưa	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức được xây dựng theo đơn vị sản phẩm thống nhất (diện tích)

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	phản ánh khối lượng thực tế. Đề nghị bổ sung các tiêu chí: số lô cần chỉnh lý và mức độ chỉnh sửa dữ liệu; số chủ rừng; số hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng; số thôn, xóm; số khoảnh, lô rừng; mức độ phân tán; cự ly từ trung tâm xã; khối lượng bản đồ, hồ sơ phải rà soát; số điểm, tuyến kiểm tra thực địa; đồng thời bổ sung định mức cho công tác phối hợp, xác minh, xác nhận thông tin tại thực địa của chính quyền cấp xã.	trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành và kết quả khảo sát, bảo đảm thuận lợi, thống nhất khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán. Ghi nhận đề nghị bổ sung các tiêu chí xác định khối lượng (số lô, số phiếu, số chủ rừng, mức độ phân tán) để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị bổ sung công việc và định mức "Kiểm tra, đối khớp và chuẩn hóa dữ liệu kiểm kê rừng" tại Mục II Phần II Phụ lục III (kiểm tra sự thống nhất giữa bản đồ, bảng thuộc tính và số liệu; đối khớp diện tích, trạng thái rừng, chủ quản lý, trữ lượng; xử lý sai khác trước khi tổng hợp).	Tiếp thu một phần. Nội dung kiểm tra, đối khớp, chuẩn hóa dữ liệu đã được thể hiện trong thành phần công việc của các hạng mục nội nghiệp tại Mục II Phần II Phụ lục III và đã được rà soát, làm rõ. Đối với đề nghị xây dựng định mức riêng: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ cơ sở; ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Phần A Mục II Phụ lục III: dòng dẫn chiếu "Điều tra hiện trạng rừng - thực hiện theo Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT" mâu thuẫn với phần nội dung công việc yêu cầu áp dụng Phụ lục II của chính Thông tư này.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa nội dung dẫn chiếu tại Phần A Mục II Phụ lục III theo hướng áp dụng định mức điều tra rừng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, do Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT bị bãi bỏ theo khoản 2 Điều 16 dự thảo.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Một số định mức tại Phần B Phụ lục III được quy định cố định theo đơn vị sản phẩm, chưa phản ánh quy mô công việc: mục 1 (xây dựng đề cương, dự toán, thiết kế kỹ thuật - 20 công/nhiệm vụ) áp dụng chung cho mọi quy mô; mục 3 (tiếp nhận kết quả điều tra rừng và thu thập bổ sung - 30 công/tỉnh) chưa rõ là mức trọn gói hay mức tối đa và cách xử lý khi tỉnh không có tài liệu bổ sung; mục 16.1.5 (2 công cho vùng, toàn quốc) chưa rõ tính cho mỗi vùng và toàn quốc hay cho toàn bộ sản phẩm. Đề nghị rà soát, làm rõ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các định mức nêu trên được xác định theo đơn vị sản phẩm tương ứng (01 nhiệm vụ, 01 tỉnh, 01 vùng hoặc toàn quốc), bao gồm toàn bộ nội dung công việc đã mô tả tại phần nội dung công việc; hao phí lao động ở cấp nhiệm vụ không biến động lớn theo quy mô diện tích, các nội dung phụ thuộc quy mô đã được quy định định mức riêng theo xã, chủ rừng, diện tích; công việc tổng hợp ở cấp vùng, toàn quốc được thực hiện trên cơ sở kết quả đã tổng hợp, kiểm tra ở cấp tỉnh nên hao phí thấp hơn.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 2 Phần B Phụ lục III: đề nghị ghi rõ quy tắc đếm đơn vị sản phẩm "Xã, chủ rừng nhóm II" (mỗi xã và mỗi	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: mục 2.2 Phần B đã quy định đơn vị tính là "Xã, chủ rừng nhóm II";

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chủ rừng nhóm II là một đơn vị riêng hay chỉ tính theo số xã).	theo đó mỗi xã và mỗi chủ rừng nhóm II được tính là một đơn vị sản phẩm khi xác định khối lượng lập dự toán.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 4 Phần B Phụ lục III: đề nghị làm rõ diện tích dùng để phân nhóm định mức là diện tích tự nhiên của xã, diện tích đất lâm nghiệp, diện tích rừng hay diện tích kiểm kê.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: diện tích làm căn cứ phân nhóm định mức là diện tích thực hiện kiểm kê rừng của đơn vị sản phẩm tương ứng, được xác định trong đề cương, thiết kế kỹ thuật - dự toán do cấp có thẩm quyền phê duyệt.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 4.3 và mục 15.1.1 Phần B Phụ lục III sử dụng đơn vị tính "Xã" nhưng đối tượng thực hiện kiểm kê còn có chủ rừng nhóm II. Đề nghị đổi đơn vị tính thành "Xã, chủ rừng nhóm II" hoặc quy định hai dòng mức riêng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc bàn giao bản đồ, tài liệu và tiếp nhận, kiểm tra kết quả kiểm kê rừng của chủ rừng nhóm II được thực hiện đồng thời theo địa bàn xã nơi có diện tích rừng; hao phí lao động đã được tính trong định mức tại các mục 4.3 và 15.1.1 Phần B Phụ lục III.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các mục 5, 6, 7 Phần B Phụ lục III (tập huấn 5 công/tỉnh; hội nghị triển khai, tuyên truyền 2 công/xã; họp thôn, bản 2 công/thôn, bản) có nội dung gần nhau, dễ bị coi là chồng lấn. Đề nghị làm rõ sản phẩm đầu ra của từng mục; xác định định mức tính cho 01 cuộc hay cho toàn bộ đơn vị sản phẩm và nguyên tắc khi phát sinh nhiều cuộc; đổi đơn vị tính mục 7 thành "Cuộc họp" hoặc "thôn, bản, chủ rừng nhóm II"; ghi rõ định mức là công của lực lượng kỹ thuật, không bao gồm chế độ của người tham dự.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung, sản phẩm của các mục 5, 6, 7 đã được mô tả riêng biệt tại phần nội dung công việc (tập huấn nghiệp vụ; hội nghị triển khai, tuyên truyền tại xã; họp thôn, bản), không chồng lấn; đơn vị tính "Thôn, bản" bao gồm thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố và tương đương. Định mức là hao phí lao động chuyên môn của lực lượng kỹ thuật để chuẩn bị, tổ chức và tổng hợp kết quả, không bao gồm các nội dung chi tổ chức hội nghị thực hiện theo chế độ chi hội nghị hiện hành; khối lượng được xác định theo đơn vị sản phẩm khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 9 Phần B Phụ lục III: định mức thu thập thông tin theo phiếu, danh sách lô của chủ rừng nhóm I (0,05 công/ha) chênh 5 lần so với chủ rừng nhóm II (0,01 công/ha); đề nghị thuyết minh cơ sở.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: mức chênh lệch phản ánh sự khác biệt về mức độ phân tán của diện tích rừng, số lượng lô và số chủ rừng phải thu thập thông tin, được kế thừa từ quy định hiện hành và kết quả khảo sát thực tế.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 15.1.2 và 15.1.3 Phần B Phụ lục III: định mức tổng hợp bản đồ cấp tỉnh 80 công/mảnh và biên tập, trình bày 17 công/mảnh là rất lớn; đề nghị quy định rõ "mảnh" theo tỷ lệ, khổ, lớp thông tin tối thiểu, định dạng dữ liệu, hệ tọa độ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: "mảnh" bản đồ được xác định theo quy định kỹ thuật về thành lập bản đồ hiện trạng rừng và pháp luật về đo đạc, bản đồ (tỷ lệ, khung mảnh, hệ tọa độ VN-2000), không quy định lại tại Phụ lục định mức.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mục 15.2 và 16.2 Phần B Phụ lục III: đề nghị đổi tên mục 15.2 thành "Phân tích, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê rừng cấp tỉnh" để phản ánh đúng phạm vi 50 công; đối với mục 16.2, báo cáo cấp vùng và toàn quốc đều 50 công tuy phạm vi khác nhau, đề nghị tách riêng hoặc ghi rõ định mức áp dụng cho mỗi báo cáo, không phụ thuộc cấp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung công việc tại mục 15.2 đã mô tả rõ bao gồm cả phân tích, đánh giá kết quả kiểm kê và so sánh giữa các kỳ; định mức tại mục 16.2 được áp dụng cho 01 báo cáo, không phụ thuộc cấp vùng hay toàn quốc, do khối lượng phân tích, tổng hợp của hai loại báo cáo tương đương nhau trên cơ sở số liệu đã được tổng hợp ở cấp dưới.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Chi phí 01 ngày công lao động thực địa tại Phụ lục III chỉ tính trên nền lương cấp bậc, không có hệ số phụ cấp lưu động và phụ cấp nghề độc hại, nguy hiểm, trong khi kiểm kê rừng phần thực địa có điều kiện lao động tương đương điều tra rừng, dẫn đến chênh lệch khoảng 25%. Đề nghị bổ sung hệ số phụ cấp lưu động (Klđ) và phụ cấp độc hại (Kđh) vào công thức.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chuẩn hóa công thức xác định chi phí 01 ngày công lao động tại Phụ lục III bảo đảm thống nhất với Phụ lục II. Đối với đề nghị bổ sung hệ số phụ cấp lưu động, phụ cấp độc hại: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc áp dụng các khoản phụ cấp này thực hiện theo pháp luật về lao động, tiền lương và danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hiện hành chỉ ghi "Điều tra quy hoạch rừng", dẫn đến kiểm kê rừng phần thực địa không được tính phụ cấp độc hại dù môi trường làm việc tương đồng. Đề nghị bổ sung nội dung giao cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về lao động rà soát, bổ sung công việc "Kiểm kê rừng phần thực địa" vào danh mục.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc rà soát, bổ sung danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước về lao động và thực hiện theo trình tự, thủ tục riêng, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư. Ghi nhận để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Bước "Phân chia và đánh lại số lô theo kết quả kiểm kê thực địa" áp dụng 0,006 công/ha, trong khi bước tương đương tại định mức điều tra rừng là 0,01 công/lô. Hao phí phụ thuộc số lô phát sinh, không phụ thuộc diện tích	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa đơn vị tính và trị số định mức của bước công việc phân chia, đánh số lô tại Phụ lục III bảo đảm thống nhất với quy định tương ứng tại Phụ lục II.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lô. Đề nghị sửa đổi để phản ánh đúng bản chất và đồng bộ với định mức điều tra rừng.	
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Bước "Tính toán trữ lượng các-bon rừng cho lô kiểm kê" (0,001 công/ha) không có trong quy trình kiểm kê rừng, không thuộc thành quả bắt buộc và trùng lặp với định mức điều tra rừng. Đề nghị rà soát sự cần thiết.	Tiếp thu. Đã bỏ bước công việc tính toán trữ lượng các-bon rừng cho lô kiểm kê tại Phụ lục III bảo đảm thống nhất với quy định về nội dung, thành quả kiểm kê rừng và tránh trùng lặp với định mức điều tra rừng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Tại Mục 3 Phần I và Mục II Phần II Phụ lục III đang viện dẫn Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT - văn bản sẽ hết hiệu lực khi Thông tư mới được ban hành. Đề nghị rà soát, cập nhật nội dung viện dẫn.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa các nội dung viện dẫn tại Mục 3 Phần I và Mục II Phần II Phụ lục III bảo đảm phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành tại thời điểm Thông tư có hiệu lực thi hành.
Phụ lục IV. Định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng	Vụ Tổ chức cán bộ; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Ninh Bình, Tây Ninh	Tại Phụ lục quy định định mức kinh tế - kỹ thuật theo dõi diễn biến rừng: tiêu đề đang ghi là "Phụ lục II". Đề nghị chỉnh sửa thành "Phụ lục IV" để thống nhất với khoản 2 Điều 9 dự thảo Thông tư và hệ thống các Phụ lục, tránh nhầm lẫn khi viện dẫn, áp dụng.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa tiêu đề "Phụ lục II" thành "Phụ lục IV" bảo đảm thống nhất trong toàn bộ dự thảo Thông tư.
	Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Các định mức tính theo đơn vị "xã" tại bảng định mức Phụ lục IV chưa phản ánh khối lượng công việc thực tế, cụ thể: mục 1 (tiếp nhận, thu thập thông tin biến động - 2,5 công/xã); mục 2 (tải và xử lý ảnh viễn thám - 5 công/xã); mục 8 (tổng hợp, xử lý số liệu và cập nhật vào phần mềm - 10 công/xã). Cùng một mức định mức nhưng có xã diện tích trên 30.000 ha, có xã dưới 5.000 ha; có xã không phát sinh biến động, có xã hàng trăm điểm biến động. Đề nghị xác định rõ đây là mức áp dụng cho 01 xã không phụ thuộc số điểm biến động và bổ sung tiêu chí hoặc hệ số điều chỉnh theo diện tích, số cảnh ảnh, dung lượng dữ liệu, số lượng biến động.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các định mức tại mục 1, mục 2 và mục 8 bảng định mức Phụ lục IV được xác định theo đơn vị sản phẩm là 01 xã, là hao phí lao động tiếp nhận, rà soát thông tin đầu vào và xử lý, cập nhật số liệu, không phụ thuộc số điểm biến động; định mức được kế thừa từ quy định hiện hành và kết quả khảo sát thực tế. Ghi nhận đề nghị bổ sung tiêu chí, hệ số điều chỉnh theo diện tích, số cảnh ảnh, dung lượng dữ liệu và số lượng biến động để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Vụ Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Tại mục 5 bảng định mức Phụ lục IV (đo vẽ, xác định diện tích biến động - 0,06 công/ha): đề nghị xác định rõ "ha" là diện tích nghi biến động, diện tích đã xác nhận biến động, diện tích khu vực kiểm tra hay diện tích toàn xã; đồng thời bổ sung tiêu chí theo số lô biến động hoặc	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: diện tích làm căn cứ áp dụng định mức tại mục 5 bảng định mức Phụ lục IV là diện tích biến động được xác định qua đo vẽ theo nội dung công việc đã mô tả tại Phần II; định mức được xây dựng theo đơn vị sản phẩm thống nhất, kế thừa quy

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		mức độ phức tạp của đối tượng, do 01 ha có 01 lô khác hoàn toàn 01 ha có nhiều lô nhỏ.	định hiện hành. Ghi nhận đề nghị bổ sung tiêu chí theo số lô biến động, mức độ phức tạp của đối tượng để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế; Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 15 bảng định mức Phụ lục IV (vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng toàn quốc): đề nghị bổ sung định mức chi tiết đối với các nội dung công việc thuộc mục này, trong đó có mục 15.2 "Kiểm tra công tác theo dõi cập nhật diễn biến rừng trên hệ thống" và mục 15.3 "Hỗ trợ kỹ thuật cập nhật diễn biến rừng".	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung công việc tại mục 15 (trong đó có mục 15.2, 15.3) chủ yếu là hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (quản trị cơ sở dữ liệu, chuyển đổi cấu trúc dữ liệu, xây dựng, cập nhật phần mềm, thuê hạ tầng và dịch vụ máy chủ), thực hiện theo định mức chuyên ngành công nghệ thông tin và pháp luật có liên quan như đã quy định tại mục 15 bảng định mức Phụ lục IV.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 6 (thống nhất số liệu với địa phương và chủ quản lý rừng - 1,25 công/xã) và mục 11.1 (rà soát, xử lý số liệu, hồ sơ diễn biến rừng của cấp xã - 1,25 công/xã) bảng định mức Phụ lục IV: đơn vị tính "xã" chưa bao quát chủ rừng nhóm II. Đề nghị xác định rõ định mức tính cho 01 bộ hồ sơ cấp xã và làm rõ có bao gồm hồ sơ của chủ rừng nhóm II hay không.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại các mục 6 và 11.1 bảng định mức Phụ lục IV được xác định cho 01 xã, tương ứng 01 bộ hồ sơ diễn biến rừng cấp xã; việc thống nhất số liệu và rà soát hồ sơ của chủ rừng nhóm II được thực hiện đồng thời, tổng hợp theo địa bàn xã nơi có diện tích rừng, hao phí lao động đã được tính trong định mức nêu trên.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 7 bảng định mức Phụ lục IV (hoàn thiện số liệu ngoại nghiệp - 0,005 công/ha): đề nghị ghi rõ áp dụng đối với diện tích đã đi kiểm tra thực địa hay toàn bộ diện tích nghi biến động; đồng thời cân nhắc bố trí nội dung này tại Mục công tác nội nghiệp thay vì Mục công tác thực địa.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại mục 7 áp dụng đối với diện tích đã được kiểm tra, xác minh ngoài thực địa; nội dung hoàn thiện số liệu ngoại nghiệp gắn liền với công tác thực địa nên được bố trí tại Mục công tác thực địa.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 9 bảng định mức Phụ lục IV (xây dựng báo cáo kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp xã - 10 công/xã): đề nghị xác định rõ sản phẩm gồm báo cáo, biểu số liệu, bản đồ, dữ liệu phần mềm hay chỉ báo cáo thuyết minh, tránh chồng lấn với mục 8 đã xử lý dữ liệu.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: sản phẩm của mục 9 là báo cáo kết quả theo dõi diễn biến rừng cấp xã kèm hệ thống biểu số liệu, được lập trên cơ sở dữ liệu đã được xử lý, cập nhật tại mục 8; hai hạng mục có nội dung công việc và sản phẩm khác nhau, không chồng lấn.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 11.4 bảng định mức Phụ lục IV (xây dựng báo cáo theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh - 30 công/tỉnh): đề nghị đổi tên thành "Phân tích và xây dựng báo cáo theo	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung công việc tại mục 11.4 đã bao gồm việc tổng hợp, phân tích

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dõi diễn biến rừng cấp tỉnh" nếu định mức đã bao gồm phân tích, đánh giá; trường hợp chỉ là viết báo cáo thì tách riêng phần phân tích.	số liệu để xây dựng báo cáo theo dõi diễn biến rừng cấp tỉnh; định mức 30 công/tỉnh đã tính đủ các nội dung này.
Phụ lục V. Định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Phụ lục V đã quy định thu thập bản đồ, tài liệu nhưng chưa nhấn mạnh khai thác dữ liệu số dùng chung. Đề nghị bổ sung nội dung "Khuyến khích sử dụng dữ liệu GIS và cơ sở dữ liệu số trong lập hồ sơ phân định ranh giới rừng".	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 4 Điều 4 dự thảo Thông tư đã quy định khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh, bao gồm việc khai thác, sử dụng dữ liệu GIS và cơ sở dữ liệu số dùng chung, do đó không quy định lại tại từng Phụ lục.
	Cục Quản lý đất đai; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk	Các Bảng 2, 4, 6 Phụ lục V đang viện dẫn Thông tư số 12/2021/TT-BXD và Thông tư số 09/2024/TT-BXD; hai Thông tư này đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026 và được thay thế bởi Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng. Đề nghị rà soát, cập nhật căn cứ pháp lý và trị số định mức xây dựng theo quy định hiện hành.	Tiếp thu. Đã rà soát, cập nhật căn cứ pháp lý và trị số định mức xây dựng tại các Bảng 2, 4, 6 Phụ lục V theo Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung định mức riêng cho các công việc: rà soát, đối chiếu bản đồ địa chính và bản đồ hiện trạng rừng; xác minh ranh giới ngoài thực địa; xử lý sai khác giữa hồ sơ đất đai và hồ sơ lâm nghiệp; xác minh ranh giới giữa các xã, chủ rừng; xử lý khu vực tranh chấp, chồng lấn; tổ chức họp, lấy ý kiến hộ dân, cộng đồng dân cư; chỉnh sửa hồ sơ, bản đồ sau khi có ý kiến. Đề nghị định mức cắm mốc, bảng phân định ranh giới được tính theo số lượng mốc, chiều dài tuyến và điều kiện thực địa, không chỉ xác định chung theo diện tích.	Tiếp thu một phần. Các nội dung rà soát, đối chiếu bản đồ, xác minh ranh giới ngoài thực địa, tổ chức lấy ý kiến và chỉnh sửa hồ sơ đã được thể hiện trong thành phần công việc của các hạng mục tại Phần A Phụ lục V; định mức cắm mốc, bảng được xác định theo số lượng mốc, bảng và khối lượng công việc cụ thể tại Phần B. Đối với các nội dung còn lại: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ số liệu khảo sát làm cơ sở; được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Tại Bảng 2 Mục III Phần B Phụ lục V: các dòng 5.1 - 5.7 dùng đơn vị công/tấn/km, dòng 12 dùng công/tấn/1.000 m dù cùng bản chất đơn vị. Đề nghị thống nhất sử dụng đơn vị công/tấn/km trong toàn Phụ lục.	Tiếp thu. Đã thống nhất sử dụng đơn vị tính công/tấn/km trong toàn bộ Bảng 2 Mục III Phần B Phụ lục V.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 3 Phần I Bảng 1 Phụ lục V (công chuẩn bị, phục vụ hội nghị thông qua đề cương kỹ thuật, dự toán - 20 công): đề nghị nêu rõ thành phần công việc (chuẩn bị tài liệu, trình bày, thư ký, tổng hợp ý kiến, phục vụ chuyên môn) và làm rõ không bao gồm các chi phí tổ chức hội nghị theo chế độ hội nghị.	Tiếp thu. Đã làm rõ thành phần công việc và phạm vi hao phí của định mức tại mục 3 Phần I Bảng 1 Phụ lục V, không bao gồm chi phí tổ chức hội nghị thực hiện theo chế độ hiện hành.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 Phụ lục V: mục 2 Phần I là "Xây dựng đề cương kỹ thuật và dự toán", mục 5 Phần I là "Thiết kế kỹ thuật" nhưng thuyết minh mục 5 cũng mô tả chi tiết hóa thời gian, phương pháp, biện pháp kỹ thuật, công nghệ. Đề nghị rà soát tránh trùng lặp hạng mục công việc.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung công việc của mục 2 và mục 5 đã được mô tả riêng biệt tại Mục II Phần A Phụ lục V: đề cương kỹ thuật xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và dự toán kinh phí; thiết kế kỹ thuật chi tiết hóa thời gian, phương pháp, biện pháp kỹ thuật, công nghệ để thực hiện từng nhiệm vụ cụ thể; hai hạng mục không trùng lặp.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 6 Phần I Bảng 1 Phụ lục V (phổ biến biện pháp kỹ thuật cho lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ - 5 công): đề nghị xác định rõ là 5 công cho 01 đợt hay 01 nhiệm vụ và ghi rõ đơn vị tính tương ứng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại mục 6 Phần I Bảng 1 Phụ lục V là hao phí lao động để thống nhất biện pháp kỹ thuật cho lực lượng tham gia thực hiện, được tính cho 01 nhiệm vụ.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 1 Phụ lục V, một số định mức không tiếp tục tăng sau ngưỡng cuối: mục 1 Phần II (sơ thám, liên hệ với chính quyền địa phương, cơ sở và chủ rừng) áp dụng chung 20 công cho mọi nhiệm vụ từ 30.000 ha trở lên, trong khi Phần I lại chia đến ngưỡng từ 600.000 ha; mục 11 Phần II (di chuyển lực lượng đi, đến thực địa) áp dụng chung 4 công cho mọi cự ly trên 200 km. Đề nghị giải thích cơ sở hoặc chia thêm khoảng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hao phí lao động sơ thám, liên hệ với chính quyền địa phương, cơ sở và chủ rừng chủ yếu phụ thuộc số đầu mối phải liên hệ, không tăng tương ứng với quy mô diện tích sau ngưỡng 30.000 ha; định mức tại mục 11 Phần II được áp dụng cho 01 lượt di chuyển lực lượng theo hai ngưỡng cự ly. Các định mức nêu trên được kế thừa từ quy định hiện hành và kết quả khảo sát thực tế. Ghi nhận đề nghị chia nhỏ khoảng cự ly để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị định nghĩa rõ đơn vị tính diện tích tại Phụ lục V: mục 6 Phần II Bảng 1 (rà soát, điều chỉnh ranh giới, vị trí mốc, bảng - 0,004 công/ha) chưa rõ "ha" là toàn bộ diện tích nhiệm vụ, diện tích cần rà soát, diện tích có thay đổi hay diện tích dọc tuyến ranh giới; mục 1 Bảng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: diện tích tại mục 6 Phần II Bảng 1 là diện tích khu rừng thực hiện nhiệm vụ phân định ranh giới rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức tại Bảng 2 được áp dụng theo mã hiệu và đơn vị tính quy định tại Thông tư số 38/2026/TT-BXD

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		2 (chuẩn bị mặt bằng - 0,95 công/100 m²) chưa rõ 100 m² là diện tích thực tế phát dọn quanh mốc, tổng diện tích mặt bằng thi công hay diện tích quy ước và nguyên tắc quy đổi phần lẻ; Bảng 3 (vẽ sơ đồ, kẻ chữ - 0,26 công/m²) chưa rõ là m² toàn bộ bề mặt mốc, bảng hay m² phần vẽ sơ đồ, kẻ chữ.	ngày 26/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; định mức tại Bảng 3 được áp dụng theo mã hiệu và đơn vị tính quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BNNMT ngày 02/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; khối lượng thực tế là diện tích thực hiện công tác tương ứng theo thiết kế, dự toán được phê duyệt.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 6 Phần III Bảng 1 Phụ lục V (phân tích số liệu phục vụ xây dựng báo cáo - 22 công/nhiệm vụ): mức cố định cho mọi quy mô từ vài trăm đến hàng trăm nghìn ha. Đề nghị giải thích cơ sở.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức tại mục 6 Phần III là hao phí lao động phân tích, tổng hợp ở cấp nhiệm vụ; các nội dung xử lý, tính toán số liệu chi tiết đã được quy định định mức riêng tại các mục khác, không tính trùng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 9 Phần III Bảng 1 Phụ lục V (in ấn, giao nộp - 8 công): chưa quy định số bộ hồ sơ, số mảnh bản đồ, bản giấy hay bản số, số nơi giao nộp. Đề nghị quy định sản phẩm chuẩn tương ứng với định mức.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: thành phần, số lượng hồ sơ, tài liệu, dữ liệu phải giao nộp thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phân định ranh giới rừng và theo đề cương, thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt; định mức tại mục 9 là hao phí lao động tính cho 01 nhiệm vụ.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 2 Bảng 2 Phụ lục V (đào móng thủ công theo 04 cấp đất): cấu trúc cột chưa rõ, cột 2 ghi đơn vị tính "1 m³ đất nguyên thổ" nhưng các dòng dưới lại ghi đơn vị "công". Đề nghị rà soát, chỉnh sửa.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa cấu trúc cột và đơn vị tính tại mục 2 Bảng 2 Phụ lục V.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Mã hiệu định mức chưa thống nhất giữa các bảng của Phụ lục V: Bảng 2 chỉ có mã AG.13111 (gia công, lắp đặt cốt thép mốc, bảng) trong khi Bảng 4 tách riêng cốt thép mốc (AG.13111) và cốt thép bảng (AG.13231); Bảng 2 tách bê tông mốc, chân bảng (AG.11110) và bê tông bảng (AG.11410) trong khi Bảng 6 chỉ có mã AG.11110. Đề nghị rà soát, bổ sung mã hiệu tương ứng hoặc làm rõ việc áp dụng chung định mức giữa các bảng.	Tiếp thu. Đã rà soát, bổ sung mã hiệu và định mức tương ứng tại Bảng 2, Bảng 4 và Bảng 6 Phụ lục V, bảo đảm thống nhất mã hiệu công tác cốt thép và công tác bê tông giữa các bảng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Phần đầu Bảng 3 Phụ lục V mới nêu mã hiệu theo "quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	Tiếp thu. Đã bổ sung đầy đủ số hiệu, ngày ban hành của văn bản được viện dẫn tại phần đầu Bảng 3 Phụ lục V.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thôn…" nhưng chưa nêu số hiệu, ngày ban hành của văn bản được viện dẫn. Đề nghị làm rõ.	
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Bảng 4 Phụ lục V: ký hiệu xi măng ghi "PC-PCB40" trong bảng vật liệu nhưng thuyết minh ghi "PC40 & PCB40", đề nghị chuẩn hóa thống nhất một cách viết; đồng thời vật liệu khác được tính 0,5%, 1%, 5% nhưng chưa nêu rõ nền tính, đề nghị thống nhất quy định "tính trên chi phí các vật liệu chính của công tác đó".	Tiếp thu. Đã chuẩn hóa, thống nhất cách viết ký hiệu xi măng và quy định tỷ lệ vật liệu khác được tính trên chi phí các vật liệu chính của công tác tương ứng tại Bảng 4 và phần thuyết minh Phụ lục V.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Tại mục 10.1 Bảng 1 Phụ lục V, dự thảo quy định "Thống nhất ranh giới rừng cấp huyện". Đề nghị rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa nội dung công việc tại mục 10.1 Bảng 1 Phụ lục V bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Dự thảo chưa quy định đối với công tác vận chuyển mốc, bảng chỉ dẫn trong điều kiện địa hình đặc thù như rừng ngập mặn, rừng ngập phèn, khu vực có hệ thống sông, kênh, rạch, nền đất yếu hoặc thường xuyên ngập nước. Đề nghị bổ sung định mức vận chuyển mốc, bảng và vật tư theo điều kiện địa hình, phương thức vận chuyển phù hợp hoặc quy định hệ số điều chỉnh tương ứng.	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung hệ số điều chỉnh định mức đối với công tác vận chuyển mốc, bảng và vật tư tại khu vực rừng ngập mặn, rừng ngập nước, nền đất yếu tại Phụ lục V. Đối với định mức vận chuyển bằng phương tiện đường thủy: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
Phụ lục VI. Định mức kinh tế - kỹ thuật giao rừng, cho thuê rừng	Bộ Khoa học và Công nghệ	Phụ lục VI đã có bước số hóa bản đồ nhưng chưa quy định việc sử dụng dữ liệu số liên thông. Đề nghị bổ sung quy định khai thác cơ sở dữ liệu số trong giao rừng, cho thuê rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức kinh tế - kỹ thuật quy định nội dung công việc và mức hao phí thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, không quy định về kết nối, liên thông, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu số; việc khai thác, sử dụng dữ liệu số thực hiện theo pháp luật có liên quan. Phụ lục VI đã quy định bước số hóa bản đồ phục vụ thực hiện giao rừng, cho thuê rừng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung các yếu tố xác định định mức ngoài diện tích, gồm: số thôn, xóm; số chủ rừng; số hộ gia đình, cá nhân; số thửa đất; số khoảnh, lô rừng; số cuộc họp, hội nghị; số ngày niêm yết, rà soát, tiếp nhận ý kiến; khối lượng kiểm tra thực địa. Đồng thời đề nghị quy	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức được xác định trên cơ sở diện tích và tính chất, nội dung công việc chủ yếu, bảo đảm đơn giản, thống nhất, thuận lợi khi áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc; các yếu tố về số thôn, xóm, số chủ rừng, số hộ gia đình, cá nhân, số thửa

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định định mức riêng cho công tác phối hợp của chính quyền cấp xã (chuẩn bị hồ sơ, cung cấp tài liệu, tổ chức họp thôn, xóm, niêm yết công khai, tiếp nhận và xử lý ý kiến, phối hợp kiểm tra thực địa, xác nhận kết quả và lưu trữ hồ sơ).	đất, số khoảnh, lô rừng và số cuộc họp có tính biến động, phụ thuộc điều kiện cụ thể của từng địa phương nên khó xác định làm cơ sở xây dựng định mức chung. Công tác phối hợp của chính quyền cấp xã là trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện giao rừng, cho thuê rừng, không phải công việc độc lập để xác định định mức kinh tế - kỹ thuật riêng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Tại Bảng 2 Phần III Phụ lục VI: dòng 11.2 (ngoại nghiệp) dùng mốc 20 - 30 ha, trong khi dòng 14.2 (nội nghiệp) chia 20 - 25 ha và 25 - 30 ha. Đề nghị thống nhất các mốc phân chia diện tích giữa công tác nội nghiệp và ngoại nghiệp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung công việc nội nghiệp và ngoại nghiệp khác nhau; định mức công lao động đối với công việc nội nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với công ngoại nghiệp, do vậy việc phân chia theo diện tích giữa hai nhóm công việc không giống nhau.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 1 Phần A bảng định mức giao rừng, cho thuê rừng (thu thập thông tin, tư liệu liên quan - từ 5 công/xã đối với diện tích dưới 500 ha đến 20 công/xã đối với diện tích từ 30.000 ha trở lên): đề nghị xác định rõ diện tích dùng để phân nhóm là diện tích tự nhiên của xã, diện tích rừng, diện tích đất lâm nghiệp hay diện tích dự kiến giao, cho thuê rừng.	Tiếp thu. Đã bổ sung, chỉnh sửa tên mục 1 Phần A thành "Thu thập thông tin, tư liệu liên quan (tính theo diện tích đất lâm nghiệp trong xã)".
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 4.1 Phần A Phụ lục VI (tổ chức họp đối với hộ gia đình, cá nhân - đã giao đất 0,20 công/hộ; chưa giao đất 0,40 công/hộ): tên công việc là "tổ chức họp" nhưng đơn vị tính là "hộ". Đề nghị giải thích cơ sở hoặc xem xét quy định theo mức cơ sở tính cho 01 cuộc họp cộng mức bổ sung tính theo hộ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đây là hao phí lao động cho việc họp thống nhất trong thôn, kê khai, đối chiếu, rà soát thông tin của từng hộ gia đình, đã được tính bình quân chung theo hộ; việc quy định mức cơ sở theo cuộc họp không có cơ sở xác định do tình huống thực tế rất khác nhau. Định mức quy định là mức tối đa; căn cứ mức độ phức tạp thực tế tại địa phương, cơ quan phê duyệt dự toán điều chỉnh cho phù hợp hoặc nhà thầu xác định giá dự thầu tương ứng.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 4.2 Phần A Phụ lục VI (chủ rừng là cộng đồng): trường hợp đã giao đất áp dụng chung 4 công/cộng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đối với cộng đồng đã giao đất, phạm vi đất đã được xác định nên chỉ tổ chức họp để phổ biến nội dung hồ sơ giao rừng; đối

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đồng, trường hợp chưa giao đất lại phân theo số hộ. Đề nghị giải thích cơ sở của sự khác biệt này.	với cộng đồng chưa giao đất, do chưa xác định được phạm vi giao đất, giao rừng nên khối lượng công việc phụ thuộc quy mô, phạm vi ranh giới quản lý và mức độ đồng thuận của cộng đồng, do đó được phân theo số hộ.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại Phần A Phụ lục VI: mục 6 (hội nghị báo cáo kế hoạch - 15 công/xã) đề nghị sử dụng đơn vị tính "hội nghị" hoặc "cuộc" và xác định rõ định mức không bao gồm chi phí tổ chức hội nghị đã tính theo quy định khác; mục 7 (in ấn, giao nộp tài liệu - 8 công/xã) đề nghị quy định sản phẩm chuẩn gồm số bộ hồ sơ, số trang, số mảnh bản đồ, hồ sơ số và nơi giao nộp.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức 15 công bao gồm các nội dung chuẩn bị, trình bày, thư ký, tổng hợp, chỉnh sửa và được tính theo đơn vị sản phẩm là 01 xã; các chi phí khác phục vụ tổ chức hội nghị được xác định tại các khoản mục chi phí từ P6 đến P10 của Phụ lục. Số bộ hồ sơ, bản đồ và nơi giao nộp đã được quy định tại quy định về hồ sơ giao rừng, cho thuê rừng, không quy định lại tại Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 10.1 Phần B Phụ lục VI (niêm yết, kiểm tra hiện trạng, tiếp nhận góp ý - 4 công/thôn): đang gộp ba loại công việc có bản chất khác nhau nhưng dùng chung đơn vị tính "thôn", trong khi việc kiểm tra hiện trạng phụ thuộc diện tích, số lô, đường ranh. Đề nghị tách thành các dòng riêng hoặc ghi rõ đây là mức trọn gói theo thôn ở điều kiện chuẩn.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hao phí lao động kiểm tra hiện trạng đã được tính trong định mức tại mục 8 (điều tra bổ sung về hiện trạng và xác định ranh giới rừng); định mức tại mục 10.1 là mức trọn gói tính cho 01 thôn.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 11.1 Phần B Phụ lục VI (chủ rừng là cộng đồng, tổ chức): định mức giảm dần theo diện tích (dưới 30 ha: 0,20 công/ha; 30 - dưới 100 ha: 0,18; 100 - dưới 500 ha: 0,15; 500 - dưới 1.000 ha: 0,10; từ 1.000 ha: 0,05) làm tổng số công giảm khi diện tích tăng qua ngưỡng. Đề nghị xem xét lại; tương tự đối với mục 14.1 Phần B.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khối lượng công việc chủ yếu gắn với chiều dài đường ranh giới; khi diện tích tăng thì tỷ lệ giữa chu vi và diện tích giảm nên hao phí lao động bình quân trên một héc-ta giảm tương ứng (ví dụ lô 100 ha hình vuông có chu vi khoảng 4 km, trong khi lô 1.000 ha có chu vi khoảng 13 km). Do đó việc phân mức giảm dần theo quy mô diện tích là phù hợp.
	Vụ Khoa học và Công nghệ	Tại mục 11.2 Phần B Phụ lục VI (chủ rừng là cá nhân, hộ gia đình): thiếu trường hợp diện tích từ 30 ha trở lên; tương tự đối với mục 14.2 Phần B. Đề nghị rà soát, bổ sung.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hạn mức giao rừng đối với hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp tối đa là 30 ha, do đó không phát sinh trường hợp diện tích từ 30 ha trở lên.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Phụ lục VII. Định mức kinh tế - kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên	Tại hạng mục "Phần vật tư" Bảng 1 Phụ lục VII: đề nghị liệt kê một số vật tư thiết yếu để dễ áp dụng chung cho các địa phương, gồm bản đồ giấy hoặc bản đồ số khu vực tuần tra, giấy viết, bút viết, sổ ghi chép, nhu yếu phẩm cần thiết.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: dự thảo đã liệt kê các vật tư, dụng cụ cần thiết mà người tuần tra phải mang theo để hoàn thành nhiệm vụ và hỗ trợ nhu cầu tối thiểu khi đi tuần tra bảo vệ rừng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ	Công thức tính tổng công tại Phụ lục VII sử dụng hệ số loại rừng (Kj) và hệ số cự ly (Ki) là phù hợp; tuy nhiên đề nghị bổ sung hệ số nguy cơ xâm hại rừng (cao, trung bình, thấp) để ưu tiên nguồn lực cho các điểm nóng phá rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc đánh giá nguy cơ xâm hại rừng chưa có tiêu chí định lượng thống nhất và khác nhau giữa các địa phương, do vậy chưa có cơ sở để quy định thành hệ số điều chỉnh trong Thông tư.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Phụ lục VII đã quy định ghi âm, ghi hình hiện trường nhưng chưa đề cập quản lý dữ liệu số. Đề nghị bổ sung nội dung "Khuyến khích sử dụng nhật ký tuần tra điện tử, GPS và ứng dụng di động".	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc ghi âm, ghi hình khi tuần tra nhằm ghi nhận đầy đủ sự việc xảy ra để phục vụ báo cáo cấp có thẩm quyền; việc khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số đã được quy định tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Thông tư, áp dụng chung cho các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng: đề nghị bổ sung quy định về hệ số lương tương ứng làm cơ sở áp dụng, xác định đơn giá nhân công.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: việc xác định đơn giá nhân công, giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng tại địa phương thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo pháp luật về giá, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP) và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; điểm c khoản 4 Điều 15 dự thảo đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố đơn giá ngày công lao động lâm nghiệp làm cơ sở lập dự toán.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Lai Châu, Nghệ An	Đề nghị rà soát hệ số cự ly di chuyển (Ki) trong định mức tuần tra bảo vệ rừng: việc chỉ quy định 02 mức (dưới 20 km và từ 20 km trở lên) với chênh lệch hệ số 5% chưa phản ánh đầy đủ mức độ khó khăn, trong khi nhiều tuyến tuần tra tại miền núi có cự ly trên 30 km, 40 km. Đề nghị phân chia thành nhiều nhóm cự ly hoặc tăng mức chênh lệch hệ số; đồng thời điều chỉnh định mức	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: cự ly di chuyển là khoảng cách di chuyển không sử dụng được phương tiện cơ giới để đến nơi thực hiện công việc; trường hợp cự ly di chuyển quá dài trong một lần tuần tra thì rất khó thực hiện nhiệm vụ, do đó việc quy định 02 ngưỡng cự ly là phù hợp thực tiễn. Kỹ thuật tuần tra bảo vệ rừng được thực hiện theo điểm hoặc theo tuyến nhằm bảo đảm toàn

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo hướng kết hợp diện tích rừng với chiều dài tuyến, số điểm tuần tra, mức độ nguy cơ và điều kiện địa hình; bổ sung các nội dung tuần tra trong thời kỳ cao điểm nguy cơ cháy rừng, tuần tra ban đêm, tuần tra tại khu vực có nguy cơ khai thác, phá rừng, lấn chiếm đất rừng, chi phí thiết bị thông tin liên lạc, định vị, ghi hình, chi phí đi lại vượt địa hình khó khăn và chi phí huy động lực lượng tại chỗ khi phát sinh vụ việc đột xuất.	bộ diện tích rừng và các vị trí cần thiết được tuần tra; định mức áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc nên chỉ quy định ở mức phổ quát. Các trường hợp đặc thù do cơ quan phê duyệt dự toán xem xét, quyết định theo thẩm quyền.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Đề nghị bổ sung, rà soát định mức đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại cơ sở, trong đó có chi phí tuần tra, kiểm tra rừng, phát hiện và xử lý nguy cơ cháy rừng, xây dựng và duy trì đường băng cản lửa, trực phòng cháy, chữa cháy rừng và huy động lực lượng khi xảy ra cháy rừng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các nội dung kiến nghị không thuộc phạm vi định mức tuần tra bảo vệ rừng quy định tại Phụ lục VII; hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng có nội dung công việc tương tự biện pháp lâm sinh được áp dụng định mức theo khoản 3 Điều 6 dự thảo. Ghi nhận nội dung kiến nghị để nghiên cứu, xây dựng, bổ sung vào thời điểm phù hợp.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh	Đề nghị rà soát, thống nhất định mức nhân công tuần tra giữa điểm b khoản 3 Điều 12 (7,28 - 8,05 công/ha/năm) và Bảng 1 Phần II Phụ lục VII (7,28 - 8,03 công/ha/năm); công thức tổng công lao động đang dùng tích của hai tổng diện tích nên chưa phản ánh phần diện tích giao nhau giữa từng nhóm cự ly và loại rừng, đề nghị tính theo từng diện tích Sij tương ứng đồng thời với hai hệ số Ki, Kj; chia nhỏ ngưỡng cự ly (dưới 2 km, 2 - 4 km, 4 - 6 km, trên 6 km); quy định tối thiểu về số đợt, tuyến, điểm tuần tra, thành phần tổ, nhật ký số hoặc biên bản và sản phẩm nghiệm thu; thay tỷ lệ khống chế 5% chi phí vật tư, bảo hộ, liên lạc bằng định mức danh mục, số lượng, thời hạn sử dụng hoặc dự toán được phê duyệt.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chỉnh sửa điểm b khoản 3 Điều 12 dự thảo Thông tư thống nhất với Bảng 1 Phần II Phụ lục VII là 7,28 - 8,03 công/ha/năm và bổ sung thuyết minh cơ sở xác định khoảng định mức nhân công tuần tra bảo vệ rừng. Đối với tỷ lệ vật tư tiêu hao rẻ tiền 5% chi phí nhân công: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tỷ lệ này được kế thừa từ Quyết định số 2197/QĐ-BNN-KHCN ngày 12/9/2012, Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013, Quyết định số 5105/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và kết quả khảo sát thực tế.
Phụ lục VIII. Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác gỗ và	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Bắc Ninh, Nghệ An, Thái Nguyên	Tại mục 6 Phần I Phụ lục VIII (chi phí 01 ngày công lao động): công thức sử dụng ký hiệu K (K1 đến K6) nhưng phần diễn giải lại dùng ký hiệu H. Đề nghị thống nhất một hệ ký hiệu, cụ thể sửa "H2 = 0,6" thành "K2 = 0,6";	Tiếp thu. Đã rà soát, thống nhất ký hiệu các hệ số tại mục 6 Phần I Phụ lục VIII thành K2, K3, K5, K6.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
thực vật rừng ngoài gỗ		"H3 = 0,2" thành "K3 = 0,2"; "H5 được xác định như sau" thành "K5 được xác định như sau"; "(H6 = 1,25 nếu là công thực địa; H6 = 1,0 nếu là công nội nghiệp)" thành "(K6 = 1,25 nếu là công thực địa; K6 = 1,0 nếu là công nội nghiệp)".	
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Bắc Ninh, Thái Nguyên	Tại mục 2.4 "Bàn giao, nhận rừng ngoài thực địa" Phần III Phụ lục VIII: các khoảng diện tích tại các mục 2.4.2 (từ 20 ha đến dưới 50 ha), 2.4.3 (từ 50 ha đến dưới 100 ha), 2.4.4 (từ 30 ha đến dưới 50 ha) và 2.4.5 (từ 50 ha đến dưới 100 ha) bị trùng lặp và nhảy số thứ tự, dẫn đến một diện tích rừng có thể xác định đồng thời hai mức định mức. Đề nghị bỏ các dòng trùng lặp, rà soát lại các khoảng diện tích và đánh lại số thứ tự liên tục, bảo đảm mỗi trường hợp chỉ xác định được một mức định mức.	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa các khoảng diện tích và số thứ tự tại các mục 2.4.2 đến 2.4.5 Phần III Phụ lục VIII bảo đảm liên tục, không trùng lặp, không chồng lấn.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai; Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh: Bắc Ninh, Nghệ An	Nhiều khoảng giá trị tại Phần III Phụ lục VIII bị chồng lấn hoặc bỏ trống tại điểm biên. Đề nghị rà soát, quy định lại theo các khoảng liên tục, không giao nhau, không bỏ sót, cụ thể: mục 1.10 phần B (đào, nhổ cây) quy định theo dạng "nhỏ hơn" dẫn đến chồng lấn và không có mức cho cây có đường kính gốc đúng 70 cm, đề nghị quy định rõ giới hạn dưới, giới hạn trên của từng khoảng (dưới 20 cm; từ 20 cm đến dưới 30 cm; …; từ 70 cm trở lên) và bổ sung quy định về vị trí, phương pháp đo đường kính gốc cây; các mục 1.2.10, 2.2.10, 2.4.10 sửa "trên 1.000 ha" thành "từ 1.000 ha trở lên"; các mục 1.1, 1.2 còn hở khoảng đối với lô có diện tích đúng 5,0 ha và lô dưới 01 ha; mục 1.1 phân chia theo diện tích nhỏ hơn 0,5 ha và lớn hơn 0,5 ha nhưng chưa quy định trường hợp đúng bằng 0,5 ha.	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, chỉnh sửa toàn bộ các khoảng giá trị nêu trên tại Phần III Phụ lục VIII theo nguyên tắc liên tục, không giao nhau, không bỏ sót (dưới 20 cm; từ 20 cm đến dưới 30 cm; …; từ 70 cm trở lên đối với đường kính gốc cây; "từ 1.000 ha trở lên" tại các mục 1.2.10, 2.2.10, 2.4.10; "dưới 0,5 ha" và "từ 0,5 ha trở lên" tại mục 1.1; bổ sung khoảng dưới 01 ha tại mục 1.2). Đối với vị trí, phương pháp đo đường kính gốc cây: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung này thực hiện theo quy định kỹ thuật về điều tra rừng và khai thác lâm sản, không quy định lại tại Phụ lục định mức.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng; Sở Nông	Phụ lục VIII mới quy định định mức khai thác thực vật rừng ngoài gỗ đối với các nhóm tre, nứa, luồng, bương, song, mây; chưa bao quát các sản phẩm thực vật rừng	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: các sản phẩm thực vật rừng ngoài gỗ khác có đặc điểm sinh học, phương thức và mùa vụ khai thác rất đa dạng, chưa có

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	ngoài gỗ khác có khả năng khai thác hợp pháp. Đề nghị bổ sung định mức khai thác cây dược liệu dưới tán rừng và các sản phẩm lá, hoa, quả, phù hợp với từng nhóm sản phẩm (rễ, củ, thân, lá, hoa, quả, hạt) và đặc điểm sinh trưởng, tái sinh của từng nhóm cây, làm cơ sở lập thiết kế, dự toán, nghiệm thu và thanh quyết toán đối với hoạt động khai thác có sử dụng ngân sách nhà nước.	quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát hao phí lao động làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo; ghi nhận để nghiên cứu, bổ sung khi có đủ cơ sở.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề nghị rà soát, thống nhất tên gọi của định mức kinh tế - kỹ thuật tại Phụ lục VIII với Điều 1 và Mục 4 Chương II dự thảo Thông tư.	Tiếp thu. Đã rà soát, thống nhất tên gọi của Phụ lục VIII với Điều 1 và Mục 4 Chương II dự thảo Thông tư.
	Bộ Khoa học và Công nghệ	Phụ lục VIII đã xác định định mức dựa trên mức độ cơ giới hóa nhưng chưa có cơ chế cập nhật theo tiến bộ công nghệ. Đề nghị bổ sung nguyên tắc cập nhật định mức khi áp dụng công nghệ khai thác mới.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: khoản 3 và khoản 4 Điều 4 dự thảo đã quy định nguyên tắc áp dụng đối với công việc chưa có định mức và khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ; việc cập nhật định mức khi có công nghệ khai thác mới được thực hiện thông qua rà soát, sửa đổi, bổ sung Thông tư theo trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 15.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Theo Điều 6 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT), việc xây dựng một Phương án khai thác hoàn chỉnh phải thực hiện nhiều nội dung công việc (thu thập hồ sơ, tài liệu; rà soát loại rừng, quy hoạch lâm nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu, bản đồ; sơ thám, làm việc với chính quyền địa phương và chủ rừng; điều tra diện tích, đo đạc đường lô, cắm mốc lô; điều tra trữ lượng rừng; khảo sát cơ sở hạ tầng, bãi gom, bãi tập kết, đường vận xuất, vận chuyển; tính toán, xử lý số liệu; xây dựng biểu thống kê, biểu trữ lượng, sản lượng; lập dự toán chi phí khai thác; xây dựng bản đồ thiết kế khai thác). Đề nghị rà soát, bổ sung đầy đủ các nội dung công việc nêu trên vào định mức.	Tiếp thu một phần. Các nội dung thu thập thông tin, tư liệu; chia lô, xác định tọa độ lô khai thác; điều tra trữ lượng rừng; khảo sát bãi gom, bãi giao, đường vận xuất, vận chuyển; nhập, tính toán số liệu và xây dựng phương án khai thác đã được quy định trình tự tại Phần II và định mức tại Phần III Phụ lục VIII; các nội dung điều tra rừng khác áp dụng định mức tại Phụ lục II. Đối với các nội dung công việc chưa có định mức: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo và được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Tại điểm c mục 1 Phần II Phụ lục VIII, dự thảo quy định diện tích lô rừng trồng "theo hồ sơ thiết kế trồng rừng, nhưng không vượt quá 05 ha". Đề nghị điều chỉnh thành "không vượt quá 10 ha" để thống nhất với quy định về diện tích lô rừng tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 về phân định ranh giới rừng.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa quy định tại điểm c mục 1 Phần II Phụ lục VIII theo hướng: đối với rừng tự nhiên, diện tích lô khai thác không vượt quá 10 ha; đối với rừng trồng, thực hiện theo hồ sơ thiết kế trồng rừng, bảo đảm phù hợp với pháp luật về phân định ranh giới rừng và thực tiễn thiết kế trồng rừng.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Một số nội dung công việc xây dựng Phương án khai thác được quy định theo khoảng diện tích tương đối rộng (ví dụ "Xây dựng thuyết minh Phương án khai thác" từ 01 ha đến dưới 10 ha đều là 01 công/phương án), chưa phản ánh đầy đủ mối quan hệ giữa khối lượng công việc và quy mô diện tích. Đề nghị chia nhỏ khoảng diện tích hoặc xây dựng định mức theo đơn vị 01 m^3 gỗ.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức được xây dựng theo các khoảng diện tích trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành và kết quả khảo sát thực tế. Ghi nhận đề nghị chia nhỏ khoảng diện tích hoặc xây dựng định mức theo đơn vị khối lượng gỗ để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh	Tại Phần IV Phụ lục VIII (hệ số điều chỉnh định mức do thay đổi điều kiện làm việc): đề nghị quy định rõ phạm vi, điều kiện, tiêu chí áp dụng hệ số điều chỉnh, trong đó có nhóm công việc xây dựng Phương án khai thác; đồng thời bổ sung hệ số điều chỉnh cho các công việc cắt khúc, vận xuất ra bãi gom, bóc vỏ, bốc xếp gỗ và bốc xếp thực vật rừng ngoài gỗ lên phương tiện vận chuyển ra bãi giao.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: Phần IV Phụ lục VIII quy định hệ số điều chỉnh áp dụng cho các nhóm công việc chặt hạ, vận xuất (bằng máy kéo và thủ công), phát dọn thực bì và khai thác thực vật rừng ngoài gỗ - là các công việc chịu ảnh hưởng trực tiếp của cự ly di chuyển, độ dốc, cự ly kéo gỗ và sản lượng khai thác. Nhóm công việc xây dựng phương án khai thác đã được quy định định mức theo quy mô diện tích tại Mục I Phần III nên không áp dụng hệ số điều chỉnh, tránh tính trùng; các công việc cắt khúc, bóc vỏ, bốc xếp được thực hiện tại bãi gom, bãi giao, ít chịu ảnh hưởng của địa hình, cự ly.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Định mức công việc cắt khúc (0,050 công/m^3) chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến khối lượng và thời gian thực hiện (số khúc cắt, đường kính cây). Đề nghị xây dựng định mức theo đường kính, chiều dài khúc cắt hoặc bổ sung hệ số điều chỉnh tương ứng.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức công việc cắt khúc được xây dựng theo đơn vị sản phẩm là m^3 gỗ, kế thừa quy định hiện hành. Ghi nhận đề nghị bổ sung hệ số điều chỉnh hoặc phân mức theo đường kính, chiều dài khúc cắt để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Đề nghị quy định hệ số lương cụ thể cho từng nội dung công việc trong xây dựng Phương án khai thác và trong khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ; trường hợp quy định theo khoảng hệ số thì cần có tiêu chí xác định cụ thể, thống nhất để các địa phương có cơ sở áp dụng trong lập và thẩm định dự toán.	Tiếp thu một phần. Các bảng định mức tại Phần III Phụ lục VIII đã quy định hệ số lương (cấp bậc công việc) tương ứng với từng nội dung công việc. Đối với đề nghị ấn định hệ số lương cứng: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: hệ số lương tại các bảng định mức chỉ là cơ sở xác định chi phí nhân công khi lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, không phải quy định về chế độ tiền lương; do tính chất công việc, điều kiện thực hiện và cấp bậc kỹ thuật khác nhau giữa các nhiệm vụ, địa bàn nên việc xác định hệ số lương cụ thể trong khoảng quy định do cơ quan phê duyệt dự toán quyết định.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh	Tại mục 1.3 Mục I Phần III Phụ lục VIII (điều tra trữ lượng rừng): đề nghị quy định diện tích ô tiêu chuẩn đối với rừng tự nhiên từ 500 - 1.000 m², rừng trồng từ 100 - 500 m²; bổ sung định mức cự ly vận xuất theo từng cung đoạn như đối với công việc vận chuyển; đồng thời hệ số lương cho công tác khai thác gỗ và thực vật rừng ngoài gỗ còn thấp (hệ số 2,01 - 2,37 tương ứng đơn giá ngày công 231.150 - 272.550 đồng, trong khi đơn giá thực tế tại địa phương từ 500.000 - 800.000 đồng/ngày).	Tiếp thu một phần. Mục 1.3 Phần III Phụ lục VIII đã quy định diện tích ô tiêu chuẩn đối với rừng trồng trên cạn từ 100 m² đến 500 m², thống nhất với quy định về điều tra rừng phục vụ khai thác. Đối với đề nghị bổ sung định mức vận xuất theo cung đoạn cự ly và điều chỉnh hệ số lương: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: cự ly vận xuất đã được điều chỉnh thông qua hệ số cự ly kéo gỗ, cự ly lao, vác quy định tại Phần IV Phụ lục VIII; hệ số lương tại Phụ lục là cơ sở xác định chi phí nhân công, đơn giá ngày công lao động lâm nghiệp áp dụng trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo điểm c khoản 4 Điều 15 dự thảo Thông tư.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa	Theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT), trữ lượng gỗ dự kiến khai thác được xác định thông qua đo đếm trực tiếp cây khai thác hoặc lập ô tiêu chuẩn; thực tế phần lớn phương án khai thác được lập theo phương pháp đo đếm trực tiếp toàn bộ cây rừng, trong khi mục 1.3 khoản 1 Mục I Phần III Phụ lục VIII chỉ quy định định mức theo phương pháp lập ô tiêu chuẩn. Đề nghị bổ sung định mức đối với trường hợp đo đếm trực tiếp toàn bộ cây rừng trên diện tích khai thác.	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung quy định về cách quy đổi khối lượng đối với trường hợp đo đếm toàn bộ cây gỗ trong lô khai thác tại Phụ lục VIII. Đối với việc xây dựng định mức riêng: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chưa có đủ số liệu khảo sát làm cơ sở; công việc chưa có định mức thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo và được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đối với mục 1.3.2 và mục 2.1.2 Phần III Phụ lục VIII: đề nghị bổ sung định mức điều tra trữ lượng rừng đối với rừng trồng trên cạn có diện tích ô tiêu chuẩn dưới 500 m^2, do Mẫu số 07 Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT quy định diện tích ô tiêu chuẩn đối với rừng trồng từ 100 m^2 đến 500 m^2.	Tiếp thu. Mục 1.3.2 Phần III Phụ lục VIII đã được chỉnh lý, quy định định mức điều tra trữ lượng rừng đối với ô tiêu chuẩn rừng trồng trên cạn có diện tích từ 100 m^2 đến 500 m^2, bảo đảm thống nhất với quy định về ô tiêu chuẩn tại Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đối với mục 1.1 và mục 2.1 phần B Phần III Phụ lục VIII: đề nghị bổ sung định mức phân theo cấp thực bì đối với công tác phát dọn cây bụi, dây leo khu vực khai thác bằng phương pháp thủ công; đồng thời bổ sung định mức chi phí quản lý của chủ rừng trong quá trình khai thác, định mức thẩm tra phương án khai thác và định mức phát dọn cây bụi, dây leo bằng cơ giới.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: định mức phát dọn cây bụi, dây leo khu vực khai thác bằng phương pháp thủ công được xây dựng theo mức bình quân và được điều chỉnh thông qua hệ số điều kiện làm việc quy định tại Phần IV. Đối với định mức chi phí quản lý của chủ rừng, thẩm tra phương án khai thác và phát dọn bằng cơ giới: chưa có quy trình kỹ thuật và số liệu khảo sát làm cơ sở xây dựng định mức; trước mắt thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo và được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế	Đề nghị quy định cụ thể tỷ lệ quy đổi khối lượng gỗ cây đứng trong thiết kế khai thác rừng trồng, do hiện nay khối lượng gỗ cây đứng được xác định theo thể tích (m^3) và khi quy đổi thường tạm áp dụng tỷ lệ 1 m^3 = 1.000 kg, trong khi việc quy đổi phụ thuộc loài cây, cấp tuổi, điều kiện sinh trưởng và khối lượng riêng của gỗ, dẫn đến cách áp dụng khác nhau giữa các địa phương.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: tỷ lệ quy đổi khối lượng gỗ cây đứng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật mà thuộc quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan. Ghi nhận, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét khi sửa đổi, bổ sung các văn bản tương ứng.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An	Tại điểm b mục 1 Phần I Phụ lục VIII: cụm từ "đảo bảo thuận lợi" sai chính tả, đề nghị sửa thành "bảo đảm thuận lợi".	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa lỗi chính tả tại điểm b mục 1 Phần I Phụ lục VIII.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Tại mục 1.1 Mục I Phần III Phụ lục VIII (xây dựng Phương án khai thác): đề nghị bổ sung định mức xác định ranh giới chia lô và tọa độ lô khai thác trên thực địa bằng máy GPS đối với lô có diện tích nhỏ hơn 03 ha; đồng thời chỉnh sửa định mức đối với lô có diện tích nhỏ hơn 05 ha thành lô có diện tích từ 03 ha đến 05 ha.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: mục 1.1 Mục I Phần III Phụ lục VIII đã quy định định mức theo hai nhóm quy mô (lô có diện tích nhỏ hơn 05 ha và lô có diện tích từ 05 ha trở lên), đã bao quát cả trường hợp lô có diện tích nhỏ hơn 03 ha, bảo đảm liên tục, không bỏ trống.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Tại điểm c mục 1 Mục I Phần II Phụ lục VIII: đề nghị bổ sung nội dung "không quá 03 ha đối với rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ" để phù hợp với điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP) quy định khai thác trắng theo đám với diện tích đám khai thác không quá 03 ha.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: phương thức và diện tích đám khai thác đối với rừng trồng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ đã được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP); Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật không quy định lại nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Tại mục 4.2.3 phần B Phần III Phụ lục VIII (khai thác song, mây): bảng ghi nhầm số thứ tự các tiểu mục thành 4.1.3.1, 4.1.3.2, 4.1.3.3. Đề nghị chỉnh sửa thành 4.2.3.1, 4.2.3.2, 4.2.3.3.	Tiếp thu. Đã chỉnh sửa số thứ tự các tiểu mục thành 4.2.3.1, 4.2.3.2, 4.2.3.3 tại mục 4.2.3 Phần III Phụ lục VIII.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên	Tại Phần III Phụ lục VIII: bảng định mức không có mục A nhưng sau mục I, mục II lại có mục B, mục C. Đề nghị kiểm tra, đánh lại ký hiệu các mục theo đúng quy định.	Tiếp thu. Đã rà soát, đánh lại thống nhất ký hiệu, số thứ tự các mục tại Phần III Phụ lục VIII.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau	Tại Điều 13 và Phần III Phụ lục VIII: đề nghị rà soát, bổ sung hoặc làm rõ định mức áp dụng đối với công đoạn khai thác, tập kết, vận xuất sản phẩm củi, do Phần II Phụ lục VIII đã quy định việc nhập số liệu, tính toán trữ lượng, sản lượng gỗ, củi dự kiến khai thác nhưng chưa thể hiện rõ hạng mục định mức tương ứng đối với sản phẩm củi.	Tiếp thu một phần. Phần II và Phần III Phụ lục VIII đã quy định việc nhập số liệu, tính toán trữ lượng, sản lượng gỗ, củi dự kiến khai thác; định mức các công đoạn khai thác, vận xuất được áp dụng theo khối lượng sản phẩm khai thác thực tế, bao gồm cả sản phẩm củi. Đối với các công đoạn chưa có định mức riêng: đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: thực hiện theo khoản 3 Điều 4 dự thảo và được ghi nhận để nghiên cứu khi sửa đổi, bổ sung Thông tư.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Tại điểm d (điều tra trữ lượng rừng) Phụ lục VIII: dự thảo chưa quy định đường kính tối thiểu của cây gỗ được đo đếm nên chưa có cơ sở thống nhất xác định đối tượng đo đếm và khối lượng công việc; quy định "đo 50 cây tương ứng với đo cây trong một ô tiêu chuẩn" chưa thuận tiện khi đo đếm toàn bộ cây gỗ trong lô khai thác. Đề nghị bổ sung quy định về đường kính tối thiểu và sửa theo hướng quy đổi diện tích lô thiết kế thành số ô tiêu	Tiếp thu một phần. Đã bổ sung quy định về đường kính tối thiểu của cây gỗ được đo đếm và cách quy đổi khối lượng đối với trường hợp đo đếm toàn bộ cây gỗ trong lô khai thác tại Phụ lục VIII. Tỷ lệ áp dụng định mức đối với trường hợp đo đếm toàn bộ được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát, tính toán của cơ quan chủ trì soạn thảo.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chuẩn (rừng tự nhiên chia cho 1.000 m², rừng trồng chia cho 500 m², không làm tròn số; áp dụng 50% định mức điều tra ô tiêu chuẩn do không phải phát đường ranh giới ô).	
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Tại mục 2.2 Phụ lục VIII (xây dựng thuyết minh phương án khai thác): định mức còn thấp so với khối lượng công việc thực tế và việc phân cấp theo các khoảng diện tích nhỏ chưa phản ánh hợp lý mức hao phí lao động. Đề nghị nâng định mức khoảng 02 lần và phân cấp lại theo diện tích (dưới 30 ha: 3,00 công/phương án; từ 30 ha đến dưới 50 ha: 3,50; từ 50 ha đến dưới 100 ha: 4,00; từ 100 ha đến dưới 200 ha: 5,00; từ 200 ha đến dưới 300 ha: 6,00; từ 300 ha đến dưới 500 ha: 10,00; từ 500 ha đến dưới 1.000 ha: 16,00; từ 1.000 ha trở lên: 20,00).	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, điều chỉnh định mức và phân cấp theo quy mô diện tích đối với công việc xây dựng thuyết minh phương án khai thác tại Phụ lục VIII. Trị số định mức cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát, tính toán, bảo đảm nguyên tắc không làm tăng chi phí bất hợp lý từ ngân sách nhà nước.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Dự thảo chưa quy định định mức đối với công việc xây dựng bản đồ thiết kế khai thác, trong khi đây là nội dung cần thiết trong quá trình lập phương án và thiết kế khai thác rừng, dẫn đến thiếu cơ sở xác định chi phí thực hiện. Đề nghị bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công việc xây dựng bản đồ thiết kế khai thác phù hợp với yêu cầu về nội dung, tỷ lệ bản đồ và khối lượng thực tế.	Tiếp thu. Đã rà soát, bổ sung định mức đối với công việc xây dựng bản đồ thiết kế khai thác tại Mục I Phần III Phụ lục VIII, phân theo quy mô diện tích lô khai thác, trên cơ sở kế thừa định mức thành lập bản đồ tương ứng tại Phụ lục II.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Dự thảo chưa có định mức cho công phục vụ thẩm định, phê duyệt phương án khai thác, trong khi đây là công việc phát sinh trong quá trình hoàn thiện và phê duyệt phương án. Đề nghị bổ sung định mức công phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt phương án khai thác.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: chi phí phục vụ công tác thẩm định, phê duyệt phương án khai thác thuộc nhiệm vụ chi của cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Định mức công tác bàn giao, nhận rừng ngoài thực địa còn thấp so với yêu cầu thực tế; ví dụ đối với phương án có diện tích khoảng 20 ha, công tác bàn giao, nhận rừng ngoài thực địa cần ít nhất 02 người thực hiện trong 01 ngày, chưa kể thời gian di chuyển. Đề nghị tăng định	Tiếp thu một phần. Đã rà soát, điều chỉnh định mức công tác bàn giao, nhận rừng ngoài thực địa tại mục 2.4 Phần III Phụ lục VIII theo quy mô diện tích, bảo đảm phù hợp hơn với hao phí lao động thực tế. Trị số định mức cụ thể được xác định trên cơ sở kết quả khảo sát, tính toán, bảo

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		mức công bàn giao, nhận rừng ngoài thực địa lên 02 lần so với mức dự thảo.	đảm nguyên tắc không làm tăng chi phí bất hợp lý từ ngân sách nhà nước.
	Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam	Các dòng định mức quy định giới hạn diện tích "Từ 1 ha đến dưới 10 ha" không bao quát được các dự án khai thác tận dụng có diện tích thiết kế dưới 01 ha. Đề nghị sửa tất cả các dòng định mức nêu trên thành "Dưới 10 ha".	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh sửa các dòng định mức quy định "Từ 1 ha đến dưới 10 ha" thành "Dưới 10 ha" tại Phụ lục VIII nhằm bao quát các trường hợp có diện tích thiết kế dưới 01 ha.
	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long	Tại Phụ lục VIII: đề nghị bổ sung định mức theo loài cây nhằm tạo thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát quá trình khai thác tận dụng rừng, xác định được chủng loại, số lượng và vị trí cây được phép đưa ra khỏi rừng theo Phương án khai thác đã được phê duyệt.	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: nội dung xác định chủng loại, số lượng và vị trí cây khai thác đã được bao quát trong các bước công việc xây dựng Phương án khai thác (xác định ranh giới, tọa độ lô khai thác, điều tra trữ lượng rừng, đo đếm cây) quy định tại Phần II và Phần III Phụ lục VIII; định mức được xây dựng theo nhóm công việc và quy mô diện tích, không xây dựng theo từng loài cây do số lượng loài cây rất lớn, khác nhau giữa các vùng và chưa có số liệu khảo sát hao phí lao động theo loài. Ghi nhận để nghiên cứu, bổ sung khi có đủ cơ sở.
Về thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo Thông tư	Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai	Tại phần căn cứ ban hành văn bản: đề nghị rà soát, viện dẫn các văn bản là luật, nghị định theo điểm a và điểm c khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); đồng thời bổ sung căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15.	Tiếp thu. Đã rà soát phần căn cứ ban hành văn bản theo Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) và bổ sung căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15.
	Bộ Khoa học và Công nghệ; Cục Chuyển đổi số; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Sở	Đề nghị rà soát, chỉnh sửa các lỗi chính tả; thống nhất thể thức và kỹ thuật trình bày của dự thảo Thông tư và các Phụ lục theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thống nhất về bố cục, cách đánh số phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm, bảng biểu, ký hiệu, đơn vị tính và cách viện dẫn văn bản. Cụ thể: còn tên Bộ cũ, lỗi lặp từ, lỗi đánh số và	Tiếp thu. Đã rà soát, chỉnh lý toàn bộ các lỗi chính tả, diễn đạt, đánh số, ký hiệu, đơn vị tính và nội dung viện dẫn tại dự thảo Thông tư và các Phụ lục, bảo đảm thống nhất thể thức, kỹ thuật trình bày theo quy định.

NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nghệ An; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Thọ; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đồng Nai	tên cơ quan; thống nhất sử dụng từ "hằng năm"; các Phụ lục II, III, IV, VII, VIII còn ghi ký hiệu "TT-BNNPTNT" trong khi ký hiệu đúng là "TT-BNNMT"; Phụ lục IV còn ghi tiêu đề là "Phụ lục II"; Phụ lục III còn dẫn chiếu Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT là văn bản sẽ bị bãi bỏ.	
	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Đề nghị rà soát dự thảo Tờ trình và dự thảo Thông tư bảo đảm chính xác, thống nhất: tên Chương II tại Mục IV.2.b dự thảo Tờ trình là "Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về lâm nghiệp", trong khi tên Chương II của dự thảo Thông tư là "Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật".	Tiếp thu. Đã chỉnh lý tên Chương II tại Mục IV.2.b dự thảo Tờ trình thống nhất với tên Chương II của dự thảo Thông tư.
	Bộ Tư pháp	Về kỹ thuật viện dẫn văn bản: các Điều 6, 7, 8, 9 dự thảo dẫn chiếu "quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường" nhưng chưa nêu rõ tên loại văn bản, số, ký hiệu được viện dẫn. Đề nghị rà soát, bổ sung để bảo đảm rõ ràng, thống nhất, dễ tra cứu, áp dụng; đồng thời tiếp tục rà soát kỹ lưỡng các Phụ lục bảo đảm đầy đủ, chính xác, hợp lý, thống nhất, khả thi, dễ hiểu, dễ thực hiện.	Tiếp thu. Đã rà soát kỹ thuật viện dẫn văn bản tại các Điều 6, 7, 8, 9 dự thảo Thông tư bảo đảm phù hợp với quy định về viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP); đồng thời đã rà soát tổng thể các Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Thông tư, bảo đảm đầy đủ, chính xác, thống nhất về bố cục, ký hiệu, đơn vị tính và khả thi khi áp dụng.
Ý kiến khác			